



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **PP bảo trì thí nghiệm & XLSTL(207221) - DH13CD_01 - 001_D** Số Tin Ch 2

Ngày Thi **30/01/2016** Phòng Thi **TV202**

Lớp **DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT			0,9	2,1		3,0	001234567890	0123456789
2	13153036	Nguyễn Xuân ất	DH13CD			2,1	4,6		6,7	001234567890	0123456789
3	13153001	Nguyễn Văn Bả	DH13CD			2,9	4,7		7,6	001234567890	0123456789
4	12153028	Dương Gia Bảo	DH12CD			2,7	4,6		7,3	001234567890	0123456789
5	13137013	Đặng Hoài Bảo	DH13NL			2,3	3,0		5,2	001234567890	0123456789
6	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			2,4	4,4		6,8	001234567890	0123456789
7	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			1,8	3,5		5,3	001234567890	0123456789
8	13154005	Lưu Công Chi	DH13OT			1,5	1,9		3,4	001234567890	0123456789
9	12153053	Dương Ngọc Đa	DH12CD			1,5	3,7		5,2	001234567890	0123456789
10	13118010	Lê Tiến Đạt	DH13CK			2,7	4,6		7,3	001234567890	0123456789
11	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC			1,2	5,3		6,5	001234567890	0123456789
12	13153005	Đặng Hữu Đề	DH13CD			0,9	2,8		3,7	001234567890	0123456789
13	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			2,1	4,4		6,5	001234567890	0123456789
14	13118120	Trần Cư Được	DH13CC			2,7	6,3		9,0	001234567890	0123456789
15	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH13OT			2,6	5,3		7,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04087



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CD_01 - 001_D

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi TV202

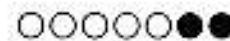
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
16	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			2,9	3,2		6,0	0012345678910	0123456789
17	13137051	Nguyễn Hoàng	DH13NL			1,5	3,9		5,4	0012345678910	0123456789
18	13153084	Nguyễn Trúc	DH13CD			1,2	4,4		5,6	0012345678910	0123456789
19	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC			2,7	5,8		8,5	0012345678910	0123456789
20	13137052	Huỳnh Tấn	DH13NL			1,2	1,1		2,3	0012345678910	0123456789
21	13118133	Nguyễn Hoàng	DH13CK		✓	0,0	0,0		0,0	0012345678910	0123456789
22	13153092	Lê Quang	DH13CD		✓	0,0	0,0		0,0	0012345678910	0123456789
23	13154023	Nguyễn Thanh Minh	DH13OT			2,4	2,5		4,9	0012345678910	0123456789
24	13118152	Bùi Văn	DH13CC			2,7	6,1		8,8	0012345678910	0123456789
25	13153108	Bàn Thế	DH13CD			1,2	1,4		2,6	0012345678910	0123456789
26	13153109	Nguyễn Tấn	DH13CD			1,5	2,5		4,0	0012345678910	0123456789
27	13118162	Huỳnh Đức	DH13CC			2,7	3,9		6,6	0012345678910	0123456789
28	13153121	Vũ Thị Kim	DH13CD			2,9	3,3		6,2	0012345678910	0123456789
29	13153122	Mai Đức	DH13CD			2,6	1,7		3,3	0012345678910	0123456789
30	13118159	Lưu Quốc	DH13CK			2,4	5,6		8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04087



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CD_01 - 001_D Số Tin Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi TV202

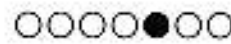
Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13137073	Nguyễn Hùng	Khánh	DH13NL		1,5	3,5		5,0	001234567890	0123456789
32	13118183	Trương Nhật	Khánh	DH13CC		2,4	4,7		7,1	001234567890	0123456789
33	13137074	Mai Quang	Khánh	DH13NL		1,2	3,4		5,1	001234567890	0123456789
34	13154027	Nguyễn Lê	Khôn	DH13OT		2,4	3,2		5,6	001234567890	0123456789
35	13137079	Phan Đặng Tuấn	Khôi	DH13NL		1,2	1,2		2,4	001234567890	0123456789
36	13153010	Nguyễn Anh	Khôi	DH13CD		2,9	3,5		6,4	001234567890	0123456789
37	13153136	Nguyễn Nhật	King	DH13CD		1,2	3,0		4,2	001234567890	0123456789
38	13118190	Trần Văn	La	DH13CC		2,7	4,2		6,9	001234567890	0123456789
39	13153142	Nguyễn Văn	Lâm	DH13CD		2,7	2,6		5,3	001234567890	0123456789
40	13154142	Cà Thanh	Lộc	DH13OT		2,6	6,3		8,9	001234567890	0123456789
41	11154045	Chu Đức	Minh	DH11OT		2,9	2,3		3,2	001234567890	0123456789
42	13153014	Trịnh Đình	Minh	DH13CD		2,9	3,3		6,2	001234567890	0123456789
43	13153173	Nguyễn Văn	Phong	DH13CD		1,2	4,9		3,1	001234567890	0123456789
44	13154045	Tăng Hồng	Phúc	DH13OT		2,2	5,3		7,5	001234567890	0123456789
45	13137112	Nguyễn Minh	Quan	DH13NL		1,8	2,3		4,1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04087



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CD_01 - 001_D

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi TV202

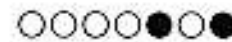
Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT			2,6	3,7		6,2	001234567890	0123456789
47	12118079	Võ Hồng Quốc	DH12CK			4,8	2,3		4,1	001234567890	0123456789
48	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC			3,0	4,6		7,6	001234567890	0123456789
49	13153196	Thân Văn Quyết	DH13CD			2,9	4,6		7,4	001234567890	0123456789
50	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK			1,2	3,2		4,4	001234567890	0123456789
51	13154166	Trần Văn Sáu	DH13OT			2,9	3,9		6,7	001234567890	0123456789
52	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC			3,0	5,6		8,6	001234567890	0123456789
53	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD			1,2	4,4		6,1	001234567890	0123456789
54	12154179	Trần Trung Thành	DH12OT			2,4	4,2		6,6	001234567890	0123456789
55	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD			1,5	3,2		4,7	001234567890	0123456789
56	13153215	Hàn Văn Thi	DH13CD			0,7	3,9		6,6	001234567890	0123456789
57	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			2,1	3,2		5,3	001234567890	0123456789
58	13118054	Đoàn Văn Thuận	DH13CK			2,4	4,4		6,8	001234567890	0123456789
59	13153222	Trương Phi Thuận	DH13CD			2,3	2,6		4,9	001234567890	0123456789
60	13153224	Lê Tự Quốc Thông	DH13CD			2,1	5,3		7,4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04087



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CD_01 - 001_D Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016 Phòng Thi TV202

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13118291	Phạm Hữu Thường	DH13CK			2,0	5,3		8,3	001234567890	0123456789
62	13118308	Phạm Văn Trùng	DH13CC			1,8	6,0		7,8	001234567890	0123456789
63	13153244	Nguyễn Thanh Tri	DH13CD			2,6	1,1		3,6	001234567890	0123456789
64	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK			1,8	5,6		7,4	001234567890	0123456789
65	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD			2,4	2,8		5,2	001234567890	0123456789
66	13153247	Đinh Mạnh Trường	DH13CD			2,4	3,5		5,9	001234567890	0123456789
67	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD			2,2	1,4		3,7	001234567890	0123456789
68	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT			2,1	3,7		5,8	001234567890	0123456789
69	13137003	Nguyễn Tuấn Tú	DH13NL			2,2	1,2		3,5	001234567890	0123456789
70	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			1,2	2,5		3,7	001234567890	0123456789
71	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD			1,8	5,6		7,4	001234567890	0123456789
72	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			2,9	3,7		6,5	001234567890	0123456789
73	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD			2,7	2,9		6,6	001234567890	0123456789
74	13153269	Vô Thành Văn	DH13CD			2,1	3,2		5,3	001234567890	0123456789
75	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC			2,0	5,3		8,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04087



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PP* bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CD_01 - 001_D

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi TV202

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
76	11138011	Huỳnh Minh Vũ	DH13CD			2,4	2,5		4,9	001234567890	0123456789
77	13153275	Lê Văn	DH13CD			2,1	4,9		7,0	001234567890	0123456789
78	13153031	Trần Thế	DH13CD			5,9	9,9		4,8	001234567890	0123456789
79	13153280	Lương Trung	DH13CD			2,4	3,0		5,4	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 6 Tháng 3 Năm 2016

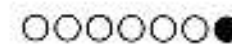
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 04115



Trang 1/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **PP tổ trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CD_02 - 001_D** Số Tín Ch: 2

Ngày Thi **30/01/2016** Phòng Thi **CT101**

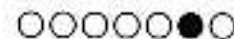
Lớp **DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 70%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118009	Trần Tuấn An	DH12CK	<i>An</i>		1,8	6,3		8,1	001234567890	0123456789
2	12154181	Hoàng Lê Anh	DH12OT	<i>Anh</i>		1,2	3,5		4,7	001234567890	0123456789
3	12153029	Châu Thái Bảo	DH12CD	<i>Bao</i>		2,8	3,9		6,6	001234567890	0123456789
4	13153038	Thái Quang Bảo	DH13CD	<i>Bao</i>		2,1	6,3		8,4	001234567890	0123456789
5	13153043	Phan Ngọc Cao	DH13CD	<i>Cao</i>		3,1	6,5		9,6	001234567890	0123456789
6	13153068	Mai Quốc Đạt	DH13CD	<i>Dat</i>		2,4	2,8		5,2	001234567890	0123456789
7	12154067	Nguyễn Minh Dương	DH12OT	<i>Duong</i>		1,2	6,0		7,2	001234567890	0123456789
8	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD	<i>Duy</i>		1,5	3,5		5,0	001234567890	0123456789
9	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT	<i>Hien</i>		2,7	4,2		6,9	001234567890	0123456789
10	13153104	Hà Lý Gia Hoàng	DH13CD	<i>Hoang</i>		2,4	3,2		5,6	001234567890	0123456789
11	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD	<i>Hung</i>		1,5	2,1		3,6	001234567890	0123456789
12	13153115	Nguyễn Phúc Huy	DH13CD	<i>Huy</i>		2,8	6,2		9,0	001234567890	0123456789
13	13154026	Trần Văn Khả	DH13OT	<i>Khá</i>		1,5	6,0		7,5	001234567890	0123456789
14	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD	<i>Khánh</i>		2,1	4,2		6,3	001234567890	0123456789
15	13118184	Vô Văn Khiêm	DH13CC	<i>Khiem</i>		2,1	3,3		5,4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04115



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLST(207221) - DH13CD_02 - 001_D

Số Tín Ch 2

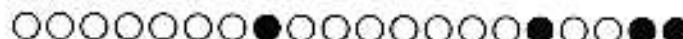
Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi CT101

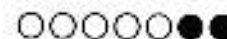
Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137076	Đỗ Đăng Khoa	DH13NL			1,5	3,8		4,3	001234567890	0123456789
17	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC			2,6	5,6		8,2	001234567890	0123456789
18	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD			2,4	4,4		6,8	001234567890	0123456789
19	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC			3,0	5,8		8,8	001234567890	0123456789
20	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT			3,0	3,9		6,9	001234567890	0123456789
21	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			2,4	4,2		7,1	001234567890	0123456789
22	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT			1,5	5,1		6,6	001234567890	0123456789
23	13118030	Trần Quốc Nam	DH13CK			2,7	6,1		8,8	001234567890	0123456789
24	13153155	Nguyễn Hoài Nam	DH13CD		✓	0,0	0,0		0,0	001234567890	0123456789
25	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			1,8	5,4		7,2	001234567890	0123456789
26	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD			2,4	2,6		5,0	001234567890	0123456789
27	13118236	Đặng Đình Phở	DH13CC			2,4	6,3		8,7	001234567890	0123456789
28	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT			1,5	6,1		7,6	001234567890	0123456789
29	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			2,1	5,6		7,7	001234567890	0123456789
30	12137035	Tạ Nhật Quang	DH12NL			2,7	3,9		6,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04115



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XL.SL(207221) - DH13CD_02 - 001_D

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi CT101

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	12154206	Phạm Hùng Quyền	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1,2	4,4		6,1	001234567890	0123456789
32	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2,1	3,5		5,6	001234567890	0123456789
33	13153202	Nguyễn Tấn Sỹ	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,4	6,3		8,7	001234567890	0123456789
34	13154052	Lê Trung Tà	DH13OT	<i>[Signature]</i>		1,8	4,2		6,0	001234567890	0123456789
35	12153131	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CD	<i>[Signature]</i>		1,5	5,4		6,9	001234567890	0123456789
36	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC	<i>[Signature]</i>		2,4	6,1		8,5	001234567890	0123456789
37	12154178	Phan Quốc Thái	DH12OT		✓	1,5	0,0		1,5	001234567890	0123456789
38	13154177	Dinh Mai Bắc Thái	DH13OT	<i>[Signature]</i>		0,0	6,4		0,4	001234567890	0123456789
39	13153213	Nguyễn Hồng Thắng	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,8	6,3		9,0	001234567890	0123456789
40	13118053	Trần Thế Thuận	DH13CC	<i>[Signature]</i>		2,1	6,3		8,4	001234567890	0123456789
41	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC	<i>[Signature]</i>		2,8	4,8		7,4	001234567890	0123456789
42	13153232	Nguyễn Thành Tiến	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,4	4,9		7,3	001234567890	0123456789
43	13154187	Phạm Trung Tin	DH13OT	<i>[Signature]</i>		1,8	5,4		7,2	001234567890	0123456789
44	13153238	Mai Thanh Tính	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,2	3,9		5,1	001234567890	0123456789
45	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK	<i>[Signature]</i>		1,5	5,1		6,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04115



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CD_02 - 001_D

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi CT101

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13153259	Trần Thanh Tuấn	DH13CD		-	2,4	4,4		6,8	0012345678910	0123456789
47	13154067	Phạm Trinh Hoàng Văn	DH13OT			1,8	2,1		3,9	0012345678910	0123456789
48	12153126	Trương Quang Vũ	DH12CD			1,5	5,3		6,8	0012345678910	0123456789
49	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			1,8	3,9		5,7	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 6 Tháng 3 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

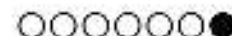
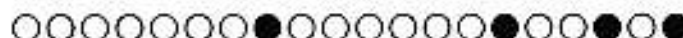
Cán Bộ Chấm Thi 2

CB Coi Thi 1:

Phạm Minh Hiền

CB Coi Thi 2:

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLST(207221) - DH13CK_03 - 001_D

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi HD203

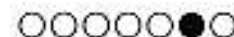
Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153046	Huỳnh Công Chính	DH13CD			2,6	4,2		6,8	001234567890	0123456789
2	13154090	Vũ Văn Cường	DH13OT			1,8	3,2		5,0	001234567890	0123456789
3	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH13OT			1,5	5,6		7,1	001234567890	0123456789
4	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD			2,1	2,8		4,9	001234567890	0123456789
5	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT			1,2	3,5		4,7	001234567890	0123456789
6	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT			2,7	4,2		6,9	001234567890	0123456789
7	13154104	Lê Hữu Hải	DH13OT			2,6	5,4		8,0	001234567890	0123456789
8	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT			1,5	1,8		3,3	001234567890	0123456789
9	13154018	Hồ Thanh Hết	DH13OT			1,5	4,2		5,7	001234567890	0123456789
10	13153114	Nguyễn Huỳnh Quang Huy	DH13CD			1,5	2,6		4,1	001234567890	0123456789
11	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT			1,2	3,4		5,1	001234567890	0123456789
12	13153138	Trần Quang Kỳ	DH13CD			1,5	4,6		6,1	001234567890	0123456789
13	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			2,4	3,0		5,4	001234567890	0123456789
14	13153144	Trương Văn Lê	DH13CD			3,0	6,3		9,3	001234567890	0123456789
15	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK			2,1	3,5		5,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04133



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSI(207221) - DH13CK_03 - 001_D

Số Tín Ch 2

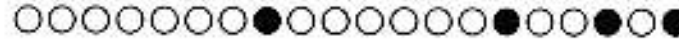
Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp DH12CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12153179	Đinh Quang	Lương	DH12CD		0,6	4,9		5,5	0012345678910	0123456789
17	13118209	Đỗ Văn	Minh	DH13CK		1,5	2,5		4,0	0012345678910	0123456789
18	13154036	Nguyễn Hoàng	Minh	DH13OT		2,1	3,3		5,4	0012345678910	0123456789
19	13153015	Chu Hoài	Nam	DH13CD		1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
20	13118232	Bùi Tấn	Phong	DH13CK		2,7	5,6		8,3	0012345678910	0123456789
21	13137106	Nguyễn Thanh	Phong	DH13NL		2,7	3,0		5,7	0012345678910	0123456789
22	13153176	Huỳnh Nguyên	Phúc	DH13CD		1,2	2,8		4,0	0012345678910	0123456789
23	13118042	Phạm Hoàng	Quý	DH13CC		0,0	0,0		0,0	0012345678910	0123456789
24	13154050	Ngô Văn	Sự	DH13OT		1,8	3,5		5,3	0012345678910	0123456789
25	13137133	Nguyễn Đại	Thiên	DH13NL		0,0	0,4		0,4	0012345678910	0123456789
26	12154185	Nguyễn Văn	Thiên	DH12OT		0,9	0,0		0,9	0012345678910	0123456789
27	12153198	Phạm Ngọc	Tĩnh	DH12CD		0,9	0,7		1,6	0012345678910	0123456789
28	13154063	Trần Minh	Trí	DH13OT		2,0	2,1		4,1	0012345678910	0123456789
29	13118060	Phạm Quang	Trung	DH13CK		2,4	1,8		4,2	0012345678910	0123456789
30	13118318	Nguyễn Đức	Trung	DH13CC		2,1	5,1		7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04133



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CK_03 - 001_D

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 3%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			3,0	5,8		8,8	0012345678910	0123456789
32	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			2,1	3,2		5,3	0012345678910	0123456789
33	12153160	Phạm Văn Viện	DH12CD			1,8	4,2		6,0	0012345678910	0123456789
34	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			0,9	6,0		6,9	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 6 Tháng 3 Năm 2015

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

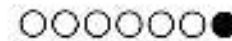
Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

M.V. Kiệp

CBCT 2

Ngô Thị Hồng Đệp



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CK_03 - 002_D

Số Tin Ch 2

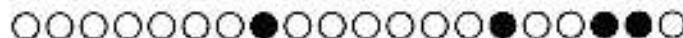
Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi RD104

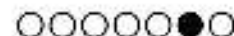
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 30 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC	<i>[Signature]</i>		2,7	2,8		5,5	001234567890	0123456789
2	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2,4	4,6		7,0	001234567890	0123456789
3	13118091	Nguyễn Duy Cường	DH13CK	<i>[Signature]</i>		2,1	4,2		6,3	001234567890	0123456789
4	12153043	Hồ Thành Danh	DH12CD	<i>[Signature]</i>		1,2	3,5		4,7	001234567890	0123456789
5	12153187	Hồ Hữu Đạt	DH12CD			1,2	0,0		1,2	001234567890	0123456789
6	13118112	Nguyễn Tiến Đạt	DH13CK	<i>[Signature]</i>		1,2	5,3		6,5	001234567890	0123456789
7	13153074	K"	DH13CD			2,6	1,0		2,6	001234567890	0123456789
8	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC	<i>[Signature]</i>		1,2	4,6		5,8	001234567890	0123456789
9	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2,6	5,1		7,7	001234567890	0123456789
10	13154101	Hứa Phú Hải	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2,7	5,3		8,0	001234567890	0123456789
11	13118140	Đặng Ngọc Hiệu	DH13CK	<i>[Signature]</i>		2,7	3,7		6,4	001234567890	0123456789
12	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC	<i>[Signature]</i>		2,9	6,1		9,0	001234567890	0123456789
13	12154066	Trần Công Khang	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1,5	4,2		5,7	001234567890	0123456789
14	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK	<i>[Signature]</i>		2,4	3,2		5,6	001234567890	0123456789
15	12118021	Bùi Xuân Lâm	DH12CC			6,0	0,0		6,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04134



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm PP bố trí thi nghiệm & XLSL(207221) - DH13CK_03 - 002_D

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi RD104

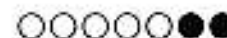
Lớp DH12NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12137032	Phạm Phú Lâm	DH12NL	<i>Lan</i>		3,0	3,0		6,0	001234567890	0123456789
17	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK	<i>Long</i>		2,1	3,0		5,1	001234567890	0123456789
18	13154032	Trương Thành Long	DH13OT	<i>Long</i>		2,1	4,9		7,0	001234567890	0123456789
19	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT	<i>Minh</i>		1,2	4,2		5,4	001234567890	0123456789
20	13154149	Võ Tấn Nga	DH13OT	<i>Nga</i>		2,4	4,9		7,3	001234567890	0123456789
21	13154041	Phạm Hoàng Như	DH13OT	<i>Hoàng</i>		2,6	5,3		7,9	001234567890	0123456789
22	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK	<i>Phi</i>		4,5	4,9		6,4	001234567890	0123456789
23	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC	<i>Phú</i>		2,7	4,8		4,5	001234567890	0123456789
24	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL	<i>Phúc</i>		2,7	1,8		4,5	001234567890	0123456789
25	13154046	Vân Vũ Hoàng Phúc	DH13OT	<i>Phúc</i>		2,6	6,7		9,2	001234567890	0123456789
26	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK	<i>Phu</i>		2,1	4,9		7,0	001234567890	0123456789
27	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT	<i>Quang</i>		1,2	2,3		3,5	001234567890	0123456789
28	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD	<i>Quốc</i>		2,4	4,6		7,0	001234567890	0123456789
29	13137115	Phạm Mai Quỳnh	DH13NL	<i>Quỳnh</i>		2,6	3,9		6,5	001234567890	0123456789
30	12154246	Nguyễn Thành Tấn	DH12OT	<i>Tấn</i>		0,9	1,1		2,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04134



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CK_03 - 002_D Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016 Phòng Thi RD104

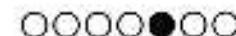
Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13154174	Trần Duy Thanh	DH13OT			2,1	5,6		7,7	001234567890	0123456789
32	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK			1,5	3,2		4,7	001234567890	0123456789
33	12153146	Nguyễn Lý Thôi	DH12CD			0,9	0,0		0,9	001234567890	0123456789
34	12154177	Nguyễn Thành Thuận	DH12OT			2,7	4,2		6,9	001234567890	0123456789
35	13118056	Võ Đức Tiến	DH13CC			2,7	3,5		6,2	001234567890	0123456789
36	13118312	Bạch Huy Trí	DH13CK			2,7	5,3		8,0	001234567890	0123456789
37	13118310	Bùi Thanh Triển	DH13CK			1,5	4,2		5,7	001234567890	0123456789
38	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK			2,6	3,5		6,1	001234567890	0123456789
39	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			1,8	3,2		5,0	001234567890	0123456789
40	12154154	Kim Thanh Tuấn	DH12OT			2,4	4,2		6,6	001234567890	0123456789
41	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			1,5	5,6		7,1	001234567890	0123456789
42	13118063	Lê Văn Tuấn	DH13CC			1,8	5,6		7,4	001234567890	0123456789
43	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC			2,1	1,1		3,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04134



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13CK_03 - 002_D Số Tin Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016 Phòng Thi RD104

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 22%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
44	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			4,8	4,9		67	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 6 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

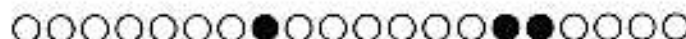
Môn Học/Nhóm PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13NL_04 - 001_D Số Tin Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016 Phòng Thi TV103

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC	<i>[Signature]</i>		1,2	4,2		5,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	13153045	Trần Đức Cảnh	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,7	2,5		5,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	13137026	Nguyễn Minh Châu	DH13NL	<i>[Signature]</i>		2,7	2,5		5,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	13154083	Phan Văn Châu	DH13OT			0,0	0,0		0,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT	<i>[Signature]</i>		1,5	2,8		4,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	13118011	Trần Đình Đức	DH13CK	<i>[Signature]</i>		2,4	3,2		5,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	13137041	Trần Ngọc Dũng	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1,5	3,5		5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	13137032	Đỗ Văn Duy	DH13NL	<i>[Signature]</i>		2,7	4,2		6,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL	<i>[Signature]</i>		2,9	2,1		5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	13137037	Trần Ngọc Duy	DH13NL	<i>[Signature]</i>		2,7	5,6		8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,4	4,7		7,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	13137001	Nguyễn Duy Hậu	DH13NL	<i>[Signature]</i>		2,7	3,9		6,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	13137055	Nguyễn Thanh Hiền	DH13NL	<i>[Signature]</i>		2,7	5,3		8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	13137056	Đỗ Văn Hiếu	DH13NL	<i>[Signature]</i>		2,9	2,8		5,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2,7	3,5		6,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○



Mã nhận dạng 04144



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13NL_04 - 001_D

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi TV103

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 70%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137065	Huỳnh Nguyễn Hòa	DH13NL			1,8	3,7		5,5	001234567890	0123456789
17	13137059	Nguyễn Ngọc Hoàn	DH13NL			3,7	3,7		6,4	001234567890	0123456789
18	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL			2,7	2,8		5,5	001234567890	0123456789
19	13137069	Nguyễn Mạnh Hùng	DH13NL			2,7	5,6		8,3	001234567890	0123456789
20	13137167	Nguyễn Thành Hưng	DH13NL			1,5	5,1		6,6	001234567890	0123456789
21	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			2,4	3,5		5,9	001234567890	0123456789
22	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			3,0	4,7		7,7	001234567890	0123456789
23	13118194	Lê Hoàng Lê	DH13CC			2,7	6,0		8,7	001234567890	0123456789
24	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			2,9	6,3		9,2	001234567890	0123456789
25	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT			2,6	3,5		6,1	001234567890	0123456789
26	12154166	Đinh Văn Lợi	DH12OT			2,4	3,9		6,3	001234567890	0123456789
27	13137090	Chau Văn Nêk	DH13NL			2,6	3,9		6,4	001234567890	0123456789
28	13137100	Đinh Mai Nhật	DH13NL			3,7	4,0		7,7	001234567890	0123456789
29	13137101	Nguyễn Đình Nhu	DH13NL			0,0	1,2		1,2	001234567890	0123456789
30	13118037	Nguyễn Nhựt	DH13CC			2,4	4,6		7,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04144



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) - DH13NL_04 - 001_D

Số Tín Ch 2

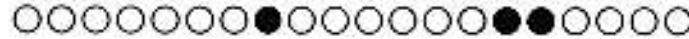
Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi TV103

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 70%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT			1,2	3,3		4,5	001234567890	0123456789
32	13137111	Nguyễn Quốc Phúc	DH13NL			2,4	1,6		4,0	001234567890	0123456789
33	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK			2,4	2,3		4,7	001234567890	0123456789
34	13137120	Trần Văn Sơn	DH13NL			2,9	1,0		2,9	001234567890	0123456789
35	12118115	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CK			1,8	2,8		4,6	001234567890	0123456789
36	13137123	Nguyễn Đức Tâm	DH13NL			2,1	1,4		3,5	001234567890	0123456789
37	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK			2,4	1,2		3,6	001234567890	0123456789
38	12118119	Nguyễn Trung Tấn	DH12CK			2,7	2,8		5,5	001234567890	0123456789
39	13137121	Vì Văn Tấn	DH13NL			2,4	4,9		7,3	001234567890	0123456789
40	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL			1,5	2,1		3,6	001234567890	0123456789
41	13137128	Phan Lê Ngọc Thảo	DH13NL			2,7	5,6		8,3	001234567890	0123456789
42	13118365	Trần Văn Tĩnh	DH13CC			2,7	5,4		8,1	001234567890	0123456789
43	12137056	Nguyễn Tấn Toàn	DH13NL			2,9	4,7		7,6	001234567890	0123456789
44	10137072	Nguyễn Thành Trung	DH10NL			0,0	0,0		0,0	001234567890	0123456789
45	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL			1,5	4,4		5,9	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04144



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm PP hồ sơ thi nghiệm & XLSL(207221) - DH13NL_04 - 001_D Số Tín Ch 2

Ngày Thi 30/01/2016 Phòng Thi TV103

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1	D2	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			2,8	3,5		6,2	0012345678910	0123456789
47	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL			0,0	0,0		0,0	0012345678910	0123456789
48	13137158	Nguyễn Minh Tú	DH13NL			2,8	1,9		4,8	0012345678910	0123456789
49	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC			3,4	5,1		7,5	0012345678910	0123456789
50	12153123	Thiều Duy Tùng	DH12CD			3,9	2,1		5,0	0012345678910	0123456789
51	13137162	Nguyễn Thị Thu Vui	DH13NL			3,0	4,2		7,2	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 6 Tháng 3 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB coi thi I



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật xây(207222) - DH12CC_01 - 001_DH12CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi PV335

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL			9,0	8,0	1,5	4,2	001234567890	0123456789
2	13137032	Đỗ Văn Duy	DH13NL			9,0	8,0	3,0	5,1	001234567890	023456789
						9,0	8,5	6,0	7,1		
						9,0	8,0	3,5	5,4		
						9,0	9,0	2,3	5,0		
4	13137104	Nguyễn Tấn Phong	DH13NL			9,0	9,0	7,5	8,1	001234567890	0323456789
7	13137106	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL			8,0	8,5	7,0	7,6	001234567890	0123456789
8	13137115	Phạm Mai Quỳnh	DH13NL			8,0	8,5	3,0	5,2	001234567890	0123456789
9	13137116	Nguyễn Đức Reo	DH13NL			9,0	9,0	4,0	6,0	001234567890	0123456789
10	13137122	Đỗ Khánh Tâm	DH13NL			8,0	9,0	6,0	7,1	001234567890	023456789
11	13137121	Vì Văn Tấn	DH13NL			9,0	8,5	3,0	5,3	001234567890	0123456789
12	13137133	Nguyễn Đại Thiên	DH13NL			4,0	0,0	1,0	1,0	001234567890	0123456789
13	13137135	Trần Hoàng Thiên	DH13NL			9,0	8,5	4,5	6,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04352



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật sậy(207222) - DH12CC_01 - 001_DH12CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi PV335

Lớp DH13NL (Công nghệ Kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
14	13137158	Nguyễn Minh Tú	DH13NL			9,0	8,5	5,0	6,5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 15 Tháng 2 Năm 2016

TS. Bùi Ngọc Hùng

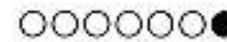
leadus
Lê Anh Đức

CBET 1

CBET 2

Khai Tuấn

Lê Khắc Quý



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật sấy(207222) - DH12CC_01 - 001_DH12CC_01**

Số Tín Ch 3

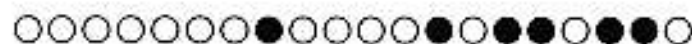
Ngày Thi **27/01/2016**

Phòng Thi **PV335**

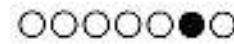
Lớp **DH12CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ. %	D2 Đ. %	Đ. Số Đ. %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118111	Lê Minh Hải	DH12CC			9,0	8,0	3,0	5,1	001234567890	0123456789
2	13137055	Nguyễn Thanh Hiền	DH13NL			9,0	8,5	6,0	7,1	001234567890	0123456789
3	13137065	Huỳnh Nguyễn Hòa	DH13NL			9,0	7,5	4,0	5,6	001234567890	0123456789
4	13137059	Nguyễn Ngọc Hoàn	DH13NL			9,0	8,5	6,0	7,1	001234567890	0123456789
5	13137167	Nguyễn Thành Hưng	DH13NL			8,0	8,0	3,5	5,3	001234567890	0123456789
6	12118042	Nguyễn Dương Hoàng Huy	DH12CC			9,0	8,0	3,0	5,1	001234567890	0123456789
7	12118109	Vũ Như Khải	DH12CC			9,0	8,5	4,5	6,2	001234567890	0123456789
8	13137074	Mai Quang Khánh	DH13NL			9,0	8,5	3,5	5,6	001234567890	0123456789
9	12118021	Bùi Xuân Lâm	DH12CC			9,0	8,0	3,0	5,1	001234567890	0123456789
10	12118063	Lê Minh Nam	DH12CC			9,0	6,5	3,5	5,0	001234567890	0123456789
11	12118068	Võ Văn Nhân	DH12CC			9,0	7,5	5,0	6,2	001234567890	0123456789
12	13137102	Trần Minh Nhật	DH13NL			8,0	7,0	4,0	5,3	001234567890	0123456789
13	12118114	Tô Ngọc Quang	DH12CC			9,0	9,0	6,0	7,2	001234567890	0123456789
14	12118023	Thân Thiện Tấn	DH12CC			9,0	9,0	3,5	5,7	001234567890	0123456789
15	12137056	Nguyễn Tấn Toàn	DH13NL			9,0	8,5	9,0	8,9	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04278



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật xây(207222) - DH12CC_01 - 001_DH12CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi PV335

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL			8,0	7,5	3,5	5,0	001234567890	0123456789
17	12118099	Tạ Quang Tuấn	DH12CC			9,0	8,5	4,3	6,0	001234567890	0123456789
18	12118117	Nguyễn Huỳnh Tú Uyên	DH12CC			9,0	9,0	6,5	7,5	001234567890	0123456789
19	12118105	Nguyễn Thanh Vinh	DH12CC			8,0	8,0	5,0	6,2	001234567890	0123456789
20	13137162	Nguyễn Thị Thu Vui	DH13NL			9,0	9,0	5,6	7,0	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 15 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Anh Đức

Cán Bộ Chấm Thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	11119006	Trần Vũ Ngân	Giang	DH11CC					6,0	001234567890	0123456789
2	12118002	Bùi Văn	Hải	DH12CC					7,2	001234567890	0123456789
3	12118008	Lương Hữu	Minh	DH12CC					6,5	001234567890	0123456789
4	12118015	Nguyễn Hữu	Chiến	DH12CC					7,3	001234567890	0123456789
5	12118021	Bùi Xuân	Lâm	DH12CC					6,5	001234567890	0123456789
6	12118023	Thần Thiện	Tân	DH12CC					7,2	001234567890	0123456789
7	12118042	Nguyễn Dương Hoàng	Huy	DH12CC					6,8	001234567890	0123456789
8	12118058	Nguyễn Tấn	Lộc	DH12CC					6,7	001234567890	0123456789
9	12118062	Võ Thanh	Mệnh	DH12CC					7,2	001234567890	0123456789
10	12118063	Lê Minh	Nam	DH12CC					6,7	001234567890	0123456789
11	12118068	Võ Văn	Nhân	DH12CC					6,5	001234567890	0123456789
12	12118075	Lương Quốc	Quân	DH12CC					8,0	001234567890	0123456789
13	12118077	Trần Thanh	Vũ	DH12CC					7,5	001234567890	0123456789
14	12118080	Nguyễn Đức Trọng	Quý	DH12CC					7,5	001234567890	0123456789
15	12118096	Hồ Trần Trung	Tri	DH12CC					7,2	001234567890	0123456789
16	12118099	Tạ Quang	Tuân	DH12CC					7,0	001234567890	0123456789
17	12118103	Tổng Thanh	Vinh	DH12CC					6,8	001234567890	0123456789
18	12118105	Nguyễn Thanh	Vinh	DH12CC					6,5	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	12118109	Vũ Như Khải	DH12CC						6,7	○○○1234567890	○○123456789
20	12118111	Lê Minh Hải	DH12CC						7,2	○○○1234567890	○○123456789
21	12118114	Tô Ngọc Quang	DH12CC						7,2	○○○1234567890	○○123456789
22	12118117	Nguyễn Huỳnh Tú Uyên	DH12CC						7,0	○○○1234567890	○○123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trần Ngọc Hùng


Lê Văn Tuấn


Nguyễn Hải Đăng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cơ lưu chất(207234) - DH14NL_01 - 001_DH14NL_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD403

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14137008	Lê Đình Đa	DH14NL	✓	✓	✓	✓	✓	✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL	<i>Đào Minh Đạt</i>		9	5.5	6	6.5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL	<i>Nguyễn Văn Đông</i>		8	5.5	4	5.1	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14137018	Trương Hoàng Đà	DH14NL	<i>Trương Hoàng Đà</i>		8.5	6	7	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14137031	Nguyễn Trần Nhật Hào	DH14NL	✓	✓	✓	✓	✓	✓	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL	<i>Lê Nguyễn Việt Hào</i>		8.5	4.5	1	3.2	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14137036	Nguyễn Hồng Hiếu	DH14NL	<i>Nguyễn Hồng Hiếu</i>		9	5	4	5.2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14137037	Nguyễn Thanh Hiếu	DH14NL	<i>Nguyễn Thanh Hiếu</i>		8.5	5	1	3.2	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL	<i>Ngô Thị Ngọc Huyền</i>		9	4	3.5	4.7	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
10	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL	<i>Nguyễn Quốc Khanh</i>		8	6	2	4.0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14137003	Nguyễn Tấn Minh	DH14NL	<i>Nguyễn Tấn Minh</i>		8.5	6	3.5	5.0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14137053	Lê Minh Nhật	DH14NL	<i>Lê Minh Nhật</i>		8	4	1	3.0	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL	<i>Nguyễn Ngọc Sơn</i>		8	4	2	3.6	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL	<i>Lê Nguyễn Minh Tài</i>		7	7	2	4.0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14137065	Nguyễn Minh Tài	DH14NL	<i>Nguyễn Minh Tài</i>		8.5	5.5	5	5.8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 04088



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Cơ lưu chất(207234) - DH14NL_01 - 001_DH14NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD403

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14137071	Đỗ Việt Thắng	DH14NL			8.5	4	1	3.1	0012345678910	0123456789
17	14137148	Nguyễn Vĩnh Thuận	DH14NL	✓						012345678910	0123456789
18	14137083	Vũ Quốc	DH14NL			8.5	5	2	3.9	0012345678910	0123456789
19	14137006	Triệu Kim	DH14NL			8	6	1	3.4	0012345678910	0123456789
20	14137089	Đinh Như	DH14NL			9	5	8	7.6	0012345678910	0123456789
21	14137092	Cao Tấn	DH14NL			9	5	4	5.2	0012345678910	0123456789
22	14137095	Trương Thế	DH14NL			8.5	5	5	5.7	0012345678910	0123456789
23	14137100	Huỳnh Nhật	DH14NL			8.5	4	1	3.1	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

HD: 20 V: 3

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

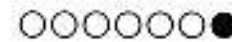
Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

CBCT 1

Nguyễn Hải Đăng

CBCT 2

Nguyễn Văn Ngọc Thanh



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất(207234) - DH14NL_01 - 002_DH14NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV319

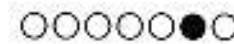
Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14137009	Hồ Thế Bảo	DH14NL							001234567890	0123456789
2	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL			8.5	5	3	4.5	001234567890	0123456789
3	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			7.5	6	6	6.3	001234567890	0123456789
4	14137032	Đặng Hoàng Hào	DH14NL			8	4	0	2.4	001234567890	0123456789
5	14137034	Võ Trọng Hiền	DH14NL			7	3	2	3.2	001234567890	0123456789
6	14137046	Nguyễn Nhật Khoa	DH14NL			8.5	4	4	4.9	001234567890	0123456789
7	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD							001234567890	0123456789
8	14137048	Lê Thế Lực	DH14NL			9	8	6	7.0	001234567890	0123456789
9	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL			8	8	3	5.0	001234567890	0123456789
10	14137051	Nguyễn Hữu Nhật	DH14NL			8	6	1.5	3.7	001234567890	0123456789
11	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL			8	4	5	5.4	001234567890	0123456789
12	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			8	5	3	4.4	001234567890	0123456789
13	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			8	4	1	3.0	001234567890	0123456789
14	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL			8	4	5	5.4	001234567890	0123456789
15	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			8	5.5	2	3.9	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04089



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ lưu chất(207234) - DH14NL_01 - 002_DH14NL_01

Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV319

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14137005	Nguyễn Hữu Thái	DH14NL			8.5	4	2.5	4.0	001234567890	0123456789
17	14137073	Nguyễn Thanh Thái	DH14NL			8.5	8	2	4.5	001234567890	0123456789
18	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL			9	7	2	4.4	001234567890	0123456789
19	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DH14NL			9	9	9	9.0	001234567890	0123456789
20	14137085	Đinh Thành Trọng	DH14NL			8.5	6	5	5.9	001234567890	0123456789
21	14137093	Trần Bá Tùng	DH14NL			9	6	5	6.0	001234567890	0123456789
22	14137091	Phạm Đức Tuyển	DH14NL			8.5	7	2	4.3	001234567890	0123456789
23	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			8	7	1	3.6	001234567890	0123456789
24	14137099	Trương Quốc Vương	DH14NL			9	9	7	7.8	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 04116



Trang 1/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật(207340) - DH13CD_02 - 001_DH13CD_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 12
1	13154001	Võ Trường An	DH13OT			1	0,4	—	1,4	0001234567890	0123456789
2	13153001	Nguyễn Văn Bá	DH13CD			1,4	1,1	2	4,5	001234567890	0123456789
3	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD			1,2	1,1	—	2,3	001234567890	0123456789
4	13138002	Trương Quang Đại	DH13TD			1,2	0,3	—	1,5	0001234567890	0123456789
5	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			1	0,7	2,3	4	001234567890	0123456789
6	13153068	Mai Quốc Đạt	DH13CD			1,4	0,7	2,2	4,3	001234567890	0123456789
7	14138045	Nguyễn Thành Đạt	DH14TD			1	0,8	2,4	4,2	001234567890	0123456789
8	13153073	Nguyễn Văn Đầu	DH13CD			1,2	0,2	2,2	3,6	001234567890	0123456789
9	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD			1,8	0,9	3,3	6	001234567890	0123456789
10	13153084	Nguyễn Trúc Giang	DH13CD			1,6	1,1	2,2	4,9	001234567890	0123456789
11	12118002	Bùi Văn Hải	DH12CC			0,8	0,2	—	1	0001234567890	0123456789
12	13154018	Hồ Thanh Hết	DH13OT						CT	001234567890	0123456789
13	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD			1,2	1,2	3,3	5,7	001234567890	0123456789
14	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD			1,4	1,1	1,5	4	001234567890	0123456789
15	13153121	Vô Thị Kim Hương	DH13CD			1,6	0,9	1,5	4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04116



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13CD_02 - 001_DH13CD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118153	Cao Thanh Huy	DH13CK						CT	001234567890	0123456789
17	13138093	Bùi Đức Khả	DH13TD			1,2	1,3	2,2	4,7	001234567890	0123456789
18	13118023	Doãn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			1,6	1,2	2,4	5,2	001234567890	0123456789
19	13153136	Nguyễn Nhật King	DH13CD			1,2	0,6	3,4	5,2	001234567890	0123456789
20	13138008	Phan Xuân Liêm	DH13TD			1,2	0,4	—	1,6	001234567890	0123456789
21	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			1,4	0,4	1,4	3,2	001234567890	0123456789
22	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			1,2	0,3	—	1,5	001234567890	0123456789
23	13138109	Trần Hoài Linh	DH13TD			1,6	1,2	2,7	5,5	001234567890	0123456789
24	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD			1,2	0,5	2,3	4	001234567890	0123456789
25	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC			1,4	1,2	2,1	4,7	001234567890	0123456789
26	13138009	Nguyễn Kim Hải	DH13TD			1,4	0,9	—	2,3	001234567890	0123456789
27	14138064	Lê Đình Long	DH14TD						CT	001234567890	0123456789
28	11153027	Bùi Công Nam	DH11CD			1	0,4	1,5	2,9	001234567890	0123456789
29	13154149	Võ Tấn Nga	DH13OT			1,4	0,6	2,1	4,1	001234567890	0123456789
30	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyễn	DH13CC			1,4	0,6	2	4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04116



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13CD_02 - 001_DH13CD_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV323

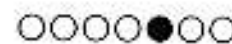
Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD			1,2	0,6	1,8	3,6	0012345678910	0123456789
32	13153165	Nguyễn Thành Nhân	DH13CD			1,8	1	2	4,8	0012345678910	0123456789
33	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DH13CD			1,4	0,9	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
34	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD						CT	0012345678910	0123456789
35	11153009	Võ Minh Phương	DH11CD			1	0,2	1,9	3,1	0012345678910	0123456789
36	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			1,2	0,5	2,7	4,4	0012345678910	0123456789
37	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD			1,2	1,2	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
38	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC			1,2	0,3	1,1	2,6	0012345678910	0123456789
39	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD			1,2	0,5	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
40	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			1,4	1,1	2,5	5	0012345678910	0123456789
41	14138100	Nguyễn Văn Tinh	DH14TD			1,2	0,2	1,9	3,3	0012345678910	0123456789
42	13153244	Nguyễn Thanh Tri	DH13CD			1,6	0,8	2,6	5	0012345678910	0123456789
43	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD			1,4	1,1	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
44	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD			1,2	0,7	2,6	4,5	0012345678910	0123456789
45	14138109	Nguyễn Thái Trường	DH14TD			1,4	0,6	1,7	3,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04116



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13CD_02 - 001_DH13CD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH12CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	12118099	Tạ Quang Tuấn	DH12CC						CT	001234567890	0123456789
47	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC						CT	001234567890	0123456789
48	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC	<i>TC</i>		1,4	0,5	0,9	2,8	001234567890	0123456789
49	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD	<i>TC</i>		1,6	1	1,6	4,2	001234567890	0123456789
50	13153269	Võ Thành Văn	DH13CD	<i>TC</i>		1,4	0,7	3,9	6	001234567890	0123456789
51	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD	<i>Vinh</i>		1,2	0,2	1,8	3,2	001234567890	0123456789
52	13153272	Đinh Quốc Vũ	DH13CD			1	0,3	—	1,3	001234567890	0123456789
53	13153275	Lê Văn Vũ	DH13CD	<i>TC</i>		1	0,9	1,5	3,4	001234567890	0123456789
54	13138022	Ngô Quốc Vương	DH13TD	<i>TC</i>		1,4	1,1	0,9	3,4	001234567890	0123456789
55	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC	<i>TC</i>		1,8	0,7	2,7	5,2	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB CT 1
TC
Đặng Hải DũngCB CT 2
TC
Lê Khắc Quý

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13CD_03 - 001_DH13CD_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV225

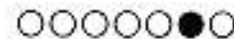
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153044	Lê Văn Cảnh	DH13CD	<i>Canh</i>		1,8	0,9	3	5,7	○○○123456789	○○123456789
2	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC	<i>chau</i>		1,4	0,7	1,9	4	○○○123456789	○○123456789
3	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC	<i>Chi</i>		1,4	0,7	2	4,1	○○○123456789	○○123456789
4	13153005	Đặng Hữu Đệ	DH13CD	<i>De</i>		1,2	0,5	1,7	3,4	○○○123456789	○○123456789
5	13153076	Lê Khải Định	DH13CD	<i>Di</i>		1,4	1	2,1	4,5	○○○123456789	○○123456789
6	14138047	Lương Hồng Dũng	DH14TD	<i>Dung</i>		1,4	1	1,6	4	○○○123456789	○○123456789
7	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD	<i>Hieu</i>		1,4	0,7	2,8	4,9	○○○123456789	○○123456789
8	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD	<i>Hieu</i>		1,4	1	2,3	4,7	○○○123456789	○○123456789
9	13118147	Nguyễn Thái Hòa	DH13CK						CT	●○○123456789	○○123456789
10	13153104	Hà Lý Gia Hoàng	DH13CD	<i>Ha</i>		1,4	0,5	3,1	5	○○○123456789	○○123456789
11	14138056	Võ Thành Hưng	DH14TD	<i>Hung</i>		1,6	1,2	3,2	6	○○○123456789	○○123456789
12	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH13CD	<i>Huy</i>		1,2	0,3	2,3	3,8	○○○123456789	○○123456789
13	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD	<i>Quang</i>		1,8	1,2	5,4	8,4	○○○123456789	○○123456789
14	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT	<i>Khang</i>		1,6	0,9	3,5	6	○○○123456789	○○123456789
15	13154131	Nguyễn Đăng Khon	DH13OT	<i>Khon</i>		1,8	0,6	3,1	5,5	○○○123456789	○○123456789



Mã nhận dạng 04135



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13CD_03 - 001_DH13CD_03

Số Tin Ch 2

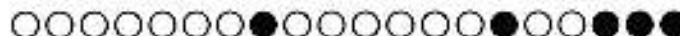
Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV225

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153146	Trần Tấn Lợi	DH13CD			1,8	0,8	3,8	6,4	001234567890	0123456789
17	13153147	Võ Thành Luân	DH13CD			1,4	0,9	3,6	5,9	001234567890	0123456789
18	13153150	Nguyễn Tiến Mạnh	DH13CD						CT	001234567890	0123456789
19	13153161	Cao Đình Nguyên	DH13CD			1	0,3	1,5	2,8	001234567890	0123456789
20	10153026	Phạm Đức Nhật	DH10CD			1	0,6	2,4	4	001234567890	0123456789
21	13153168	Nguyễn Hoàng Minh	DH13CD			1,6	1	2,1	4,7	001234567890	0123456789
22	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			1,2	1,4	2,5	5,1	001234567890	0123456789
23	13153018	Diệp Chi Quân	DH13CD			0,6	0,2	1,4	2,2	001234567890	0123456789
24	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD			1,4	0,5	2,1	4	001234567890	0123456789
25	14154044	Điền Quyết	DH14OT			1,2	0,3	1	2,5	001234567890	0123456789
26	12153130	Đỗ Văn Sang	DH12CD			1	1	1,3	3,3	001234567890	0123456789
27	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD			1,6	0,9	1,6	4,1	001234567890	0123456789
28	13153020	Hồ Hoàng Tâm	DH13CD			1,6	0,4	1,2	3,2	001234567890	0123456789
29	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD			0,8	0,6	1,2	2,6	001234567890	0123456789
30	13153211	Huỳnh Võ Minh Thắng	DH13CD			1,2	0,3	2,6	4,1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04135



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13CD_03 - 001_DH13CD_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV225

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13138205	Vương Bảo	Thế	DH13TD	The	1,6	0,9	2,8	5,3	001234567890	0123456789
32	13153215	Hàn Văn	Thi	DH13CD	Hàn Văn	1,4	1	4,1	6,5	001234567890	0123456789
33	14138031	Tổng Ngọc Anh	Thư	DH14TD	Thư	1,8	1,2	4,5	7,5	001234567890	0123456789
34	13154185	Đình Ngọc	Thức	DH13OT	Đình Ngọc	1,2	0,6	2,2	4	001234567890	0123456789
35	13153229	Lê Quyết	Tiến	DH13CD	Lê Quyết	1,4	0,5	2,4	4,3	001234567890	0123456789
36	13153236	Phạm Trọng	Tin	DH13CD	Phạm Trọng	1,6	0,4	2,2	4,2	001234567890	0123456789
37	14154061	Trương Ngọc	Tin	DH14OT	Trương Ngọc	1,4	0,3	2,3	4	001234567890	0123456789
38	13153240	Nguyễn Công	Triển	DH13CD	Nguyễn Công	1,4	0,5	2,4	4,3	001234567890	0123456789
39	13153259	Trần Thanh	Tuấn	DH13CD	Trần Thanh	1,2	0,3	1,3	2,8	001234567890	0123456789
40	13153260	Nguyễn Huy	Tuệ	DH13CD	Nguyễn Huy	1,2	0,6	2	3,8	001234567890	0123456789
41	09119040	Nguyễn Hùng	Vinh	DH09CC17	Nguyễn Hùng				CT	001234567890	0123456789
42	13154068	Phạm Hiền	Vinh	DH13OT	Phạm Hiền	1,8	1,3	3,2	6,3	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 01 Năm 2016

H.D. 39

Vắng 0A

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBGT: Nguyễn Văn Tuấn Anh

CBGT: Lê Quang Tiến

Lê Quang Tiến



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13NL_05 - 001_DH13NL_05

Số Tin Ch. 2

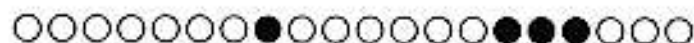
Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV227

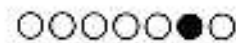
Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ. Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13137015	Phạm Thái Minh Bảo	DH13NL		✓				CT	001234567890	0123456789
2	13118109	Phạm Đại	DH13CC		✓	1	0,5	—	1,5	001234567890	0123456789
3	13137029	Lê A	DH13NL		✓				CT	001234567890	0123456789
4	13137046	Nguyễn Tấn Đạt	DH13NL		✓	0,8	0,2	—	1	001234567890	0123456789
5	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC	Dư		1,4	0,4	1,1	2,9	001234567890	0123456789
6	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK		✓				CT	001234567890	0123456789
7	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC	✓	✓	1,6	0,8	2,5	4,9	001234567890	0123456789
8	13137037	Trần Ngọc Duy	DH13NL		✓				CT	001234567890	0123456789
9	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH12OT	✓		1,4	0,5	2,3	4,2	001234567890	0123456789
10	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC	✓		1,6	1,2	1,7	4,5	001234567890	0123456789
11	12138047	Dương Văn Hoan	DH12TD	✓		1,2	0,8	2,8	4,8	001234567890	0123456789
12	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD	✓		1,2	0,6	1,3	3,1	001234567890	0123456789
13	12118084	Trần Quang Hưng	DH12CC		✓	1	0,5	—	1,5	001234567890	0123456789
14	13137167	Nguyễn Thành Hưng	DH13NL	✓		1,4	0,9	3,6	5,9	001234567890	0123456789
15	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC	✓		1,4	0,4	1,9	3,7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04152



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13NL_05 - 001_DH13NL_05

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV227

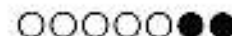
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153123	Trần Minh Kha	DH13CD			1,6	1,1	2,6	5,3	001234567890	0123456789
17	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			1,4	0,6	1,5	3,5	001234567890	0123456789
18	14138015	Trần Đăng Khoa	DH14TD		✓				CT	001234567890	0123456789
19	13118189	Nguyễn Hữu Kiệt	DH13CK			1,6	0,9	3,3	5,8	001234567890	0123456789
20	13137083	Chu Bá Hoàng Lâm	DH13NL			1,4	0,7	2,9	5	001234567890	0123456789
21	13118030	Trần Quốc	DH13CK			1,6	0,7	2,7	5	001234567890	0123456789
22	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD			1,6	1,1	2,7	5,4	001234567890	0123456789
23	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK			1	0,4	1,3	2,7	001234567890	0123456789
24	13137123	Nguyễn Đức Tâm	DH13NL			1,8	1,4	5,1	8,3	001234567890	0123456789
25	13137124	Vũ Đức Tấn	DH13NL			1	0,6	1,1	2,7	001234567890	0123456789
26	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT		✓				CT	001234567890	0123456789
27	13153247	Đinh Mạnh Trường	DH13CD			1,4	0,4	1,6	3,4	001234567890	0123456789
28	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			1,8	1,7	5,1	8,6	001234567890	0123456789
29	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			1,2	1,1	2,9	5,2	001234567890	0123456789
30	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			1,4	0,7	2,1	4,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04152



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13NL_05 - 001_DH13NL_05

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi PV227

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lđ
31	13138254	Phạm Văn Việt	DH13TD	<i>Via</i>		1,6	0,7	2,2	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11138011	Huỳnh Minh Vũ	DH11CD		V				CT	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153280	Lương Trung Vượng	DH13CD	<i>Trung</i>		1,2	0,7	2,1	4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in: 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 01 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

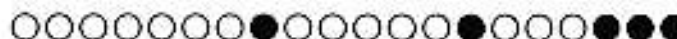
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Chấm 2:
H
Phan Minh Khai

Chấm 2:
Vinh
Tô Văn Tuấn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13TD_07 - 001_DH13TD_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi HD202

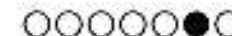
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 40%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118005	Đỗ Thành	Chung	DH13CC		1,8	0,6	1,7	4,1	0000234567890	0123456789
2	13118006	Trần Quang	Chung	DH13CK					CT	00001234567890	0123456789
3	13138029	Ngô Thế	Chung	DH13TD		1,8	1,2	3,6	6,6	00001234567890	0123456789
4	13138051	Ngô Lộc Trường	Đức	DH13TD		1,2	0,6	2,2	4	00001234567890	0123456789
5	13138052	Tô Minh	Đức	DH13TD		1,6	0,9	3	5,5	00001234567890	0123456789
6	13118120	Trần Cư	Được	DH13CC		1,4	0,6	1,1	3,1	00001234567890	0123456789
7	13138061	Trần Minh	Hải	DH13TD		1,4	0,8	2	4,2	00001234567890	0123456789
8	13138080	Huỳnh Lê Phúc	Hòa	DH13TD		1,6	0,5	0,8	2,9	00001234567890	0123456789
9	13138085	Hoàng Thanh	Hùng	DH13TD		0,8	0,04	—	0,8	00001234567890	0123456789
10	13118202	Nguyễn Tấn	Lộc	DH13CC		1,4	0,9	1,7	4	00001234567890	0123456789
11	13138117	Nguyễn Quốc	Mạnh	DH13TD		1	0,5	—	1,5	00001234567890	0123456789
12	13138129	Trương Văn	Ngọc	DH13TD					CT	00001234567890	0123456789
13	13138130	Nguyễn Thúc Lâm	Nguyễn	DH13TD					CT	00001234567890	0123456789
14	13138140	Lê Thị Huỳnh	Như	DH13TD		1,6	1,3	—	2,9	00001234567890	0123456789
15	13138148	Phạm Khánh	Phi	DH13TD		1,4	1	2,8	5,2	00001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04167



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13TD_07 - 001_DH13TD_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi HD202

Lớp

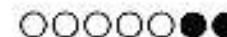
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138167	Nguyễn Hoàng Quân	DH13TD						CT	001234567890	0123456789
17	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			1,4	0,8	2,2	4,4	001234567890	0123456789
18	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC			1,4	0,7	3,1	5,2	001234567890	0123456789
19	13138175	Bùi Thái Sơn	DH13TD			1,4	0,4	2,3	4,1	001234567890	0123456789
20	13138178	Ngô Quốc Sứ	DH13TD			1	0,4	1	1,4	001234567890	0123456789
21	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC			1,4	0,4	1,8	3,6	001234567890	0123456789
22	13138210	Trương Văn Thoại	DH13TD			1,2	0,8	0,7	2,7	001234567890	0123456789
23	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD			1	0,5	1	1,5	001234567890	0123456789
24	13138229	Mai Minh Trí	DH13TD			1,8	1	4,5	7,3	001234567890	0123456789
25	13138018	Nguyễn Thanh Trung	DH13TD			1,2	1	1	2,2	001234567890	0123456789
26	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			1,6	0,8	2,7	5,1	001234567890	0123456789
27	13138234	Nguyễn Phan Hải	DH13TD			1,4	0,4	2,5	4,3	001234567890	0123456789
28	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			1,2	0,1	1	1,3	001234567890	0123456789
29	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			1,4	0,4	2,1	2,9	001234567890	0123456789
30	13138021	Trần Thanh Vinh	DH13TD			1,4	0,4	1	1,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04167



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Anh văn kỹ thuật(207300) - DH13TD_07 - 001_DH13TD_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 25/01/2016

Phòng Thi HD202

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13138256	Nguyễn Lê Nhật Vũ	DH13TD						CT	00112345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 29 Tháng 01 Năm 2016

SL 19/31

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

COCT 1:

Cao Đức Lợi

COCT 2:

Nguyễn Thanh Dũng

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Số Tín Ch. 3

Phòng Thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118002	Đặng Ngọc Ân	DH13CK	<i>Ân</i>		0,7	1	4,4	6,1	001234567890	0023456789
2	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK	<i>Bảo</i>		0,5	—	0,4	6,9	001234567890	0123456789
3	13118112	Nguyễn Tiến Đạt	DH13CK	<i>Đạt</i>		0,5	0,8	0	2,3	000234567890	0120456789
4	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK	<i>Dương</i>		0,5	—	1,2	1,7	000234567890	0123456089
5	13118137	Nguyễn Trọng Hiếu	DH13CK	<i>Hiếu</i>		0,8	1	4,0	5,8	001234567890	0123456709
6	13118140	Đặng Ngọc Hiệu	DH13CK	<i>Hiếu</i>		0,5	0,8	5,2	6,5	001234567890	0123406789
7	13118159	Lưu Quốc Huy	DH13CK	<i>Huy</i>		0,5	0,8	4,4	5,7	001234567890	0123456089
8	13118176	Lê Đình Khả	DH13CK	<i>Khả</i>		0,5	1	4,4	5,9	001234567890	0123456780
9	13118191	Nguyễn Tùng Lâm	DH13CK	<i>Lâm</i>		0,5	1	4,8	6,3	001234567890	0120456789
10	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK	<i>Minh</i>		1,0	—	3,2	4,9	001230567890	0103456789
11	13118221	Võ Văn Nguyễn	DH13CK	<i>Nguyễn</i>		0,5	—	0,4	0,9	001234567890	0123456780
12	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK	<i>Phụng</i>		1,2	1	4,0	6,2	001234567890	0103456789
13	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK	<i>Quang</i>		0,5	1	4,0	5,5	001234567890	0123406789
14	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK	<i>Sơn</i>		0,5	1	3,2	4,7	001230567890	0123456089
15	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK	<i>Tài</i>		—	—	1,6	1,6	0000234567890	0123450789

A



Mã nhận dạng 04198



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi(207302) - DH13CK_03 - 001_1 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016 Phòng Thi HD301

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm K
16	13118310	Bùi Thanh Triển	DH13CK			1	1,8	4,4	6,2	001234567890	0123456789
17	13118060	Phạm Quang Trung	DH13CK			0,5	1	2,4	3,9	001234567890	0123456789
18	13118317	Lê Quốc Trung	DH13CK			1	1	4,0	6,0	001234567890	0123456789
19	13118366	Lê Tấn Vũ	DH13CK							001234567890	0123456789
20	13118359	Vũ Gia Vỹ	DH13CK			0,5	1,8	2,8	4,1	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB coi thi I

Ngô Hải Triều
CB coi thi II

Ngô Hải Triều

Ngô Hải Triều

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi(207302) - DH13CK_03 - 001_1 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016 Phòng Thi HD301

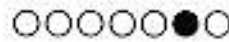
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm l0
1	13118010	Lê Tiến Đạt	DH13CK	<i>Lê Tiến Đạt</i>		0,7	0,8	4,4	5,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
2	13118011	Trần Đình Đức	DH13CK	<i>Trần Đình Đức</i>		0,5	0,8	2,8	4,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
3	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK	<i>Trịnh Đình Thanh Đức</i>		0,5	0,8	4,8	6,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
4	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK	<i>Hoàng Phạm Thanh Huỳnh</i>		0,5	0,8	1,6	2,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
5	13118174	Trương Chí Khang	DH13CK	<i>Trương Chí Khang</i>		0,8	1	3,2	5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
6	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK	<i>Huỳnh Đăng Khoa</i>		1,0	0,8	2,8	4,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
7	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK	<i>Nguyễn Hoàng Liêm</i>		0,7	1	5,2	6,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
8	13118197	Nguyễn Chí Linh	DH13CK	<i>Nguyễn Chí Linh</i>		0,5	1	4,4	5,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
9	13118199	Đào Huy	DH13CK	<i>Đào Huy</i>		0,5	1	1,2	2,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
10	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK	<i>Đặng Hoàng Long</i>		0,5	0,8	4,0	5,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
11	13118218	Lê Vũ Trường Ngọc	DH13CK	<i>Lê Vũ Trường Ngọc</i>		0,8	1	4,0	5,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
12	13118232	Bùi Tấn Phong	DH13CK	<i>Bùi Tấn Phong</i>		0,5	1	4,4	5,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
13	13118239	Huỳnh Vũ Phương	DH13CK	<i>Huỳnh Vũ Phương</i>		0,5	0,8	5,2	6,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
14	13118049	Lương Ngọc Tấn	DH13CK	<i>Lương Ngọc Tấn</i>		0,5	0,8	3,6	4,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●
15	13118269	Vũ Minh Tây	DH13CK	<i>Vũ Minh Tây</i>		0,5	1	4,8	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ● ○ ● ● ● ●



Mã nhận dạng 04279



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi(207302) - DH13CK_03 - 001_1

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118312	Bạch Huy	Tri	DH13CK		1,5	0,8	4	5,3	0012345678910	0123456789
17	13118320	Nguyễn Quốc	Trung	DH13CK		0,5	0,8	5,2	4,5	0012345678910	0123456789
18	13118364	Trương Công Hoài	Trung	DH13CK		1,0	0,8	4,8	5,0	0012345678910	0123456789
19	13118332	Lê Quốc	Tuấn	DH13CK		1,5	0,8	4,8	6,3	0012345678910	0123456789
20	13118343	Phạm Thanh	Tùng	DH13CK		0,5	1	4,8	6,3	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

CB coi thi I

Nguyễn Hải Triều
CB coi thi II

Nguyễn Hải Triều

Nguyễn Hải Triều

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi(207302) - DH3CK 03 - 001 I

Số Tín Ch. 3

Nguy Thi 27/01/2016

Phỏng Thi HD301

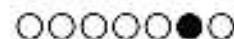
Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118008	Nguyễn Hoài Anh	Duy	DH13CK		0,7	1	2,4	4,1	001234567890	0123456789
2	13118097	Nguyễn Hoàng	Duy	DH13CK		-	-	2,0	2,0	001234567890	0123456789
3	13118132	Nguyễn Văn	Hải	DH13CK		0,7	0,8	1,5	3,1	001234567890	0123456789
4	13118133	Nguyễn Hoàng	Hào	DH13CK		1,2	1	4,0	5,2	001234567890	0123456789
5	13118017	Trần Văn	Hiệu	DH13CK		0,5	1	1,6	3,1	001234567890	0123456789
6	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	DH13CK		1,0	1	5,6	7,6	001234567890	0123456789
7	13118169	Nguyễn Trọng	Hữu	DH13CK		1,2	1	4,8	7,0	001234567890	0123456789
8	13118205	Nguyễn Bá	May	DH13CK		0,5	1	2,4	3,9	001234567890	0123456789
9	13118219	Trịnh Đình Vũ	Ngọc	DH13CK						001234567890	0123456789
10	13118230	Cao Hoàng	Phi	DH13CK		0,5	0,8	4,4	5,7	001234567890	0123456789
11	13118231	Nguyễn Văn	Phi	DH13CK		0,5	1	5,6	6,7	001234567890	0123456789
12	13118041	Lê Minh	Phương	DH13CK		1	1	3,6	5,6	001234567890	0123456789
13	13118242	Nguyễn Ngọc Thiên	Quang	DH13CK		0,5	1	4,8	5,1	001234567890	0123456789
14	13118249	Tạ Văn	Quyển	DH13CK		0,5	1	2,8	4,3	001234567890	0123456789
15	13118259	Huỳnh Trọng	Tài	DH13CK		1,3	1	5,2	7,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04410



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Máy và TB phục vụ chăn nuôi(207302) - DH13CK_03 - 001_1 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118279	Trương Quang	Thạnh	DH13CK		4,3	1	32	5,5	001234567890	0123456789
17	13118054	Đoàn Văn	Thoại	DH13CK		0,7	1	4,4	6,1	001234567890	0123456789
18	13118286	Phan Minh	Thống	DH13CK		0,8	0,8	4,8	6,4	001234567890	0123456789
19	13118291	Phạm Hữu	Thường	DH13CK		1,3	1	4,0	6,3	001234567890	0123456789
20	13118321	Trần Minh	Trung	DH13CK		1	1	52	7,2	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Chị Loipin I

Chị Loipin II

Nguyễn Hải Triều

Nguyễn Hải Triều

Lê Văn Báo

4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Máy và TB phục vụ chăn nuôi(207302) - DH13CK_03 - 001_I** Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK							○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK			-	1	12	2,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118311	Nguyễn Văn Đức	DH13CK			0,8	1	60	7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Ngày in: 04/02/2016

Thống

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Hải Triều

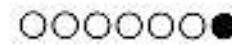
Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

CB coi Thi I

CB coi Thi II

Nguyễn Hải Triều

Trần Văn Đức



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy sau thu hoạch(207304) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_0 Số Tín Ch 3

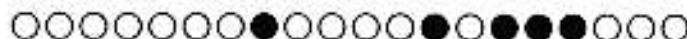
Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi PV319

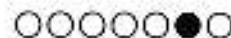
Lớp DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118009	Trần Tuấn An	DH12CK	Am	1	7.5	9	8.4		001234567890	0123456789
2	12118019	Hồ Tấn Duy	DH12CK	Duy	1	6.5	6	6.2		001234567890	0123456789
3	12118104	Trần Đức Giáp	DH12CK	Giáp		9	9.5	9.3		001234567890	0123456789
4	13132162	Đỗ Ngọc Hà	DH13SP	Hà		7	7	7.0		001234567890	0123456789
5	12118036	Trần Văn Hiệp	DH12CK	Hiệp		8.5	9	8.8		001234567890	0123456789
6	13132186	Phan Ngọc Hòa	DH13SP	Hòa	1	7	5	5.8		001234567890	0123456789
7	12118113	Phan Thái Học	DH12CK	Học		8.5	10	9.4		001234567890	0123456789
8	13132023	Khương Trung Hồng	DH13SP	Hồng		6	4	4.8		001234567890	0123456789
9	12118100	Phan Thanh Lễ	DH12CK	Lễ		6.5	8	7.4		001234567890	0123456789
10	13132227	Nguyễn Quỳnh Phạm Linh	DH13SP	Linh		7.5	9	8.4		001234567890	0123456789
11	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK	Ngọc		5.5	5	5.2		001234567890	0123456789
12	13132283	Đỗ Hồng Nhung	DH13SP	Nhung		6	7.5	6.9		001234567890	0123456789
13	12118022	Đinh Công Sơn	DH12CK	Sơn		7.5	9	8.4		001234567890	0123456789
14	12118082	Lê Văn Sơn	DH12CK	Sơn		5.5	8	7.6		001234567890	0123456789
15	12118115	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CK	Tài		6	6	6.0		001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04280



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy sau thu hoạch(207304) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_0

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi PV319

Lớp DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12118119	Nguyễn Trung	Tất	DH12CK		6.5	9	8.0		0012345678910	0123456789
17	12118092	Nguyễn Chi	Thanh	DH12CK		6.5	9.5	8.3		0012345678910	0123456789
18	13132369	Hoàng Thị Hoài	Thương	DH13SP		8	9.5	8.9		0012345678910	0123456789
19	12118097	Long Quốc	Tiến	DH12CK		8	9	8.6		0012345678910	0123456789
20	12118095	Dương Công	Trạch	DH12CK		6.5	4.5	5.3		0012345678910	0123456789
21	13132390	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DH13SP		8.5	9.5	9.1		0012345678910	0123456789
22	12118006	Nguyễn Văn	Trọng	DH12CK		8.5	10	9.4		0012345678910	0123456789
23	12118055	Nguyễn Trung	Tuấn	DH12CK		6.5	7	6.8		0012345678910	0123456789
24	12118108	Lê Quang	Tường	DH12CK		6.5	8	7.4		0012345678910	0123456789
25	13132079	Lê Thị Hồng	Vân	DH13SP		6.5	7.5	7.1		0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

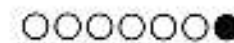
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 04199



Trang 1/1

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Máy sau thu hoạch(207304) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_0

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi PV319

Lớp DH13SP (Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13132032	Nguyễn Mỹ Linh	DH13SP			7.5	9.5	8.7		○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
2	13132427	Hoàng Văn Tùng	DH13SP			8	9.5	8.9		○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
3	13132447	Nguyễn Khắc Vinh	DH13SP			8	9	8.6		○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Máy thu hoạch(207305) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 13/01/2016

Phòng Thi: RD301

Lớp: DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12118009	Trần Tuấn An	DH12CK	Am		0,5	1,0	4,8	6,3	○○○12345●789○	○12●456789
2	12118019	Hồ Tấn Duy	DH12CK	Dy		0,5	1,0	2,0	3,5	○○○12●456789○	○1234●6789
3	12118104	Trần Đức Giáp	DH12CK	Giap		0,5	1,2	5,2	6,9	○○○12345●789○	○12345678●
4	12118036	Trần Văn Hiệp	DH12CK	Hiep		0,5	1,3	5,2	7,0	○○○123456●89○	●123456789
5	12118113	Phan Thái Học	DH12CK	Hoc		0,5	1,0	5,2	6,7	○○○12345●789○	○123456●89
6	12118100	Phan Thanh Lễ	DH12CK	HL		0,5	1,2	3,6	5,3	○○○1234●6789○	○12●456789
7	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK	V						○○○123456789○	○123456789
8	12118079	Võ Hồng Quốc	DH12CK	Quoc		0,5	0	1,2	1,7	○○●123456789○	○123456●89
9	12118022	Đinh Công Sơn	DH12CK	SP		0,5	1,2	4,0	5,7	○○○1234●6789○	○123456●89
10	12118082	Lê Văn Sơn	DH12CK	VS		0,5	1,0	4,0	5,5	○○○1234●6789○	○1234●6789
11	12118115	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CK	Tai		0,5	0,1	2,0	2,6	○○○1●3456789○	○12345●6789
12	12118119	Nguyễn Trung Tài	DH12CK	Tai		0,5	0,2	1,6	2,3	○○○1●3456789○	○12●3456789
13	12118092	Nguyễn Chí Thanh	DH12CK	Thanh		0,5	1,3	4,4	6,2	○○○12345●789○	○1●3456789
14	12118097	Long Quốc Tiến	DH12CK	Tien		0,5	1,3	5,6	7,4	○○○123456●89○	○123●456789
15	12118095	Dương Công Trịch	DH12CK	Trich		0,5	0,8	4,0	3,3	○○○12●456789○	○12●456789



Mã nhận dạng 04200



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Máy thu hoạch(207305) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi RD301

Lớp DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12118006	Nguyễn Văn Trọng	DH12CK			0,5	1,0	5,6	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK			0,5	0,1	4,4	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK			0,5	0	4,4	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK			0,5	0,5	4,8	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118108	Lê Quang Tường	DH12CK			0,5	0,2	6,4	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Triều

CBCT 1

Nguyễn Hải Triều

CBCT 2

Lê Khắc Quân



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Động cơ đốt trong(207307) - DH12NL_01 - 001_DH12NL_01**

Số Tín Ch 2

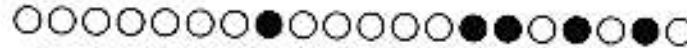
Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi RD301

Lớp **DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13137026	Nguyễn Minh Châu	DH13NL			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789
2	12137002	Lê Hùng Cường	DH12NL			0,5	1,0	6,0	7,5	001234567890	0123456789
3	12137012	Nguyễn Văn Đua	DH12NL			0,5	1,0	3,5	5,0	001234567890	0123456789
4	11158065	Nguyễn Việt Trung	DH11SK			0,5	1,0	3,5	5,0	001234567890	0123456789
5	13137065	Huỳnh Nguyễn Hòa	DH13NL			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789
6	13137059	Nguyễn Ngọc Hoàn	DH13NL			0,5	1,0	4,0	5,5	001234567890	0123456789
7	12137023	Lưu Đình Hưng	DH12NL			0,5	1,0	5,5	7,0	001234567890	0123456789
8	12137032	Phạm Phú Lân	DH12NL			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789
9	13137087	Bùi Phú Hoàng	DH13NL		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
10	13137112	Nguyễn Minh Quan	DH13NL			0,5	1,0	6,5	8,0	001234567890	0123456789
11	12137035	Tạ Nhật Quang	DH12NL			0,5	1,0	4,0	5,5	001234567890	0123456789
12	13137123	Nguyễn Đức Tâm	DH13NL			0,5	1,0	7,0	8,5	001234567890	0123456789
13	12137041	Đoàn Nhật Thắng	DH12NL			0,5	1,0	5,5	7,0	001234567890	0123456789
14	13137130	Lương Tấn Thịnh	DH13NL			0,5	1,0	7,0	8,5	001234567890	0123456789
15	13137138	Phạm Ngọc Thiện	DH13NL			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04202



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Động cơ đốt trong(207307) - DH12NL_01 - 001_DH12NL_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi RD301

Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13137141	Trần Thắng Thuận	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	5,5	7,0	001234567890	0123456789
17	12137056	Nguyễn Tấn Toàn	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	8,5	10	001234567890	0123456789
18	12137058	Ngô Hữu Toàn	DH12NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	6,0	7,5	001234567890	0123456789
19	13137146	Đinh Thanh Toàn	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	4,5	6,0	001234567890	0123456789
20	12137057	Nguyễn Đức Trọng	DH12NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	5,5	7,0	001234567890	0123456789
21	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	3,5	5,0	001234567890	0123456789
22	12137051	Phạm Anh Tuấn	DH12NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	5,5	7,0	001234567890	0123456789
23	13137155	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	8,0	9,5	001234567890	0123456789
24	13137162	Nguyễn Thị Thu Vui	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0,5	1,0	7,0	8,5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 02 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB coi thi I

CB coi thi II

Phạm Minh An

Lương Văn Đức

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309) - CD13CI 01 - 001 CI**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 28/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp **CD13C1** (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334001	Võ Ngọc An	CD13CI	<i>An</i>		0,5	1,5	4,0	6,0	001234567890	0123456789
2	13334016	Trần Thanh Bình	CD13CI	<i>Bình</i>		0,5	1,5	4,5	6,5	001234567890	0123456789
3	13118177	Nguyễn Thị Ngọc Anh	CD13CI	<i>Ng Anh</i>		0,5	1,5	6,0	8,0	001234567890	0123456789
4	13118178	Nguyễn Thị Ngọc Anh	CD13CI	<i>Ng Anh</i>		0,5	1,5	4,5	6,5	001234567890	0123456789
5	13118179	Nguyễn Thị Ngọc Anh	CD13CI	<i>Ng Anh</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	001234567890	0123456789
6	13118176	Nguyễn Thị Ngọc Anh	DH13CK	<i>Khánh</i>		0,5	1,5	4,0	6,0	001234567890	0123456789
7	13118189	Nguyễn Hữu Kiệt	DH13CK	<i>Kiệt</i>		0,5	1,5	6,0	8,0	001234567890	0123456789
8	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK	<i>Long</i>		0,5	1,5	2,0	4,0	001234567890	0123456789
9	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK	<i>Nhật</i>		0,5	1,5	3,5	5,5	001234567890	0123456789
10	12344155	Nguyễn Văn Phê	CD12CI	<i>Phê</i>		0,5	0,0	1,5	2,0	001234567890	0123456789
11	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI	<i>Phi</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	001234567890	0123456789
12	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK	<i>Quang</i>		0,5	1,0	4,5	6,0	001234567890	0123456789
13	13334182	Phan Văn Thạch	CD13CI	<i>Thạch</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	001234567890	0123456789
14	13334175	Đoàn Thiện Thanh	CD13CI	<i>Thanh</i>		0,5	1,0	4,5	6,0	001234567890	0123456789
15	13334181	Trần Văn Thánh	CD13CI	<i>Thánh</i>		0,5	0,0	1,0	1,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04203



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309) - CD13CI_01 - 001_C1**

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 28/01/2016

Phòng Thi: TV101

Lớp: **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK	<i>Trọng</i>		0,5	1,5	7,0	9,0	00123456789	0123456789
17	12344137	Lê Hiếu Trung	CD12CI	<i>Trung</i>		0,5	1,0	1,5	3,0	00123456789	0123456789
18	12344139	Nguyễn Bá Trung	CD12CI	<i>Trung</i>		0,5	1,5	4,5	6,5	00123456789	0123456789
19	13118343	Phạm Thanh Tùng	DH13CK	<i>Tùng</i>		0,5	1,5	3,0	5,0	00123456789	0123456789
20	13334252	Nguyễn Tấn Nưư	CD13CI	<i>Nưư</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	00123456789	0123456789

Ngày in: 04/01/2016

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2016

SS: 19/20

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBOT I:

CB coi thi II

Phạm Minh Hiền

Hiền & Đức



Mã nhận dạng 04203



Trang 1/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309) - CD13CI_01 - 001_CI** Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: **28/01/2016**

Phòng Thi: **TV101**

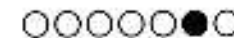
Lớp: **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
2	13334025	Vì Văn Chương	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	7,5	9,5	0012345678910	0123456789
3	13334048	Ngô Huỳnh Đăng	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
4	13334050	Nguyễn Tấn Đức	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
5	13334070	Thái Minh Hiệp	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	13334074	Lương Văn Hoàng	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	13334092	Nguyễn Văn Hữu	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	12344047	Trương Hoài Long	CD12CI	<i>Chua</i>		✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
9	13334135	Nguyễn Minh Nhật	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
10	12344105	Bùi Văn Phú	CD12CI	<i>Chua</i>		0,5	0,0	1,0	1,5	0012345678910	0123456789
11	13118239	Huỳnh Vũ Phương	DH13CK	<i>Chua</i>		0,5	1,5	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
12	13334161	Đặng Chiêu Sinh	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,5	7,0	9,0	0012345678910	0123456789
13	12118115	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CK	<i>Chua</i>		0,5	1,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
14	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI	<i>Chua</i>		0,5	1,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
15	12118092	Nguyễn Chí Thanh	DH12CK	<i>Chua</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04354



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cấu tạo truyền động máy kéo(207309) - CD13CI_01 - 001_CI Số Tin Ch 3

Ngày Thi 28/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13334215	Phạm Minh Toàn	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0,5	1,5	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
17	13334216	Phạm Văn Toàn	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0,5	1,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
				<i>[Signature]</i>		0,5	1,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
				<i>[Signature]</i>		0,5	1,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789

Ngày thi: 28/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SS: 19/19

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBQT

Cán bộ chấm II

[Signature]

Lương Văn Thi

[Signature]
Phạm Minh Toàn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309) - CD13CI_01 - 001_CI** Số Tín Ch 3

Ngày Thi **28/01/2016** Phòng Thi **TV101**

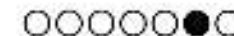
Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334005	Lê Thanh Tú	Anh	anh		0,5	1,5	5,0	7,0	○○○1234567890	0123456789
2	13334018	Nguyễn Văn	Cảnh	can		0,5	1,5	7,5	9,5	○○○1234567890	0123456789
3	12118019	Hồ Tấn	Duy	duy		0,5	0,0	3,5	4,0	○○○1234567890	0123456789
4	13334037	Trần Thanh	Duy	thanh		0,5	1,5	4,0	6,0	○○○1234567890	0123456789
5	12344049	Nguyễn Phúc	Hậu	phuc		0,5	1,0	1,5	3,0	○○○1234567890	0123456789
6	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	thai		0,5	1,0	5,5	7,0	○○○1234567890	0123456789
7	13334111	Trần Văn	Lộc	loc		0,5	1,5	6,0	8,0	○○○1234567890	0123456789
8	12344172	Trịnh Hữu	Nghĩa	huu		0,5	1,0	1,5	3,0	○○○1234567890	0123456789
9	13334133	Lê Hữu	Nhân	huu		0,5	1,5	3,0	5,0	○○○1234567890	0123456789
10	12344186	Huỳnh Duy	Phát	phat		0,5	1,5	4,5	6,5	○○○1234567890	0123456789
11	12118079	Võ Hồng	Quốc	quoc		0,5	1,5	0,5	2,0	○○○1234567890	0123456789
12	13334155	Nguyễn Tấn	Quốc	tan		0,5	1,5	3,5	5,5	○○○1234567890	0123456789
13	13118259	Huỳnh Trọng	Tài	trung		0,5	1,5	5,5	7,5	○○○1234567890	0123456789
14	13334170	Tổng Minh	Tài	minh		0,5	1,5	4,0	6,0	○○○1234567890	0123456789
15	12344197	Nguyễn Thành	Tâm	thanh		0,5	1,0	1,5	3,0	○○○1234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04281



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cấu tạo truyền động máy kéo(207309) - CD13CI_01 - 001_CI Số Tín Ch 3

Ngày Thi 28/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12344192	Nguyễn Văn Thới	CD12CI			0,5	1,5	2,0	4,0	001234567890	0123456789
17	13334214	Trần Quốc Tín	CD13CI			0,5	1,5	2,0	3,0	001234567890	0123456789
18	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK			0,5	1,5	4,0	6,0	001234567890	0123456789
19	13334236	Phạm Minh Tú	CD13CI			✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
20	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			0,5	1,5	4,0	6,0	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2016

SS: 19/20

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

Phạm Minh Hiền

Cán Bộ coi thi 2

Trần Văn Đức

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Sử dụng máy(207310) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 29/01/2016

Phòng Thi PV333

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI	<i>Chưa</i>		0,5	1,0	1,0	2,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13334050	Nguyễn Tấn Đức	CD13CI	<i>Đức</i>		0,5	1,0	2,0	3,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12118104	Trần Đức Giáp	DH12CK	<i>Giáp</i>		0,5	1,0		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12118036	Trần Văn Hiệp	DH12CK	<i>Hiệp</i>		0,5	1,0	5,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13334070	Thái Minh Hiệp	CD13CI	<i>Hiệp</i>		0,5	1,0	0,5	2,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	11344020	Trần Văn Hồ	CD11CI	<i>Hồ</i>		0,5	1,0	2,0	3,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13334074	Lương Văn Hoàng	CD13CI	<i>Hoàng</i>		0,5	1,0	5,0	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12118113	Phan Thái Học	DH12CK	<i>Học</i>		0,5	1,0	5,5	7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13334077	Đường Khoa Học	CD13CI	<i>Khoa</i>		0,5	1,0	3,5	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13334092	Nguyễn Văn Hữu	CD13CI	<i>Hữu</i>		0,5	1,0	4,5	6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	11344028	Võ Ngọc Lam	CD11CI	<i>Lam</i>		0,5	1,0	3,5	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	12118100	Phan Thanh Lễ	DH12CK	<i>Lễ</i>		0,5	1,0	4,0	5,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI	<i>Lộc</i>		0,5	1,0	4,5	6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12344047	Trương Hoài Long	CD12CI			✓	✓	✓	✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12344078	Trần Đức Long	CD12CI			✓	✓	✓	✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04090



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Sử dụng máy(207310) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 29/01/2016

Phòng Thi PV333

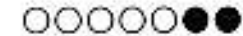
Lớp DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK			✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
17	13334135	Nguyễn Minh Nhật	CD13CI			0,5	1,0	5,5	7,0	001234567890	0123456789
18	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI			0,5	1,0	6,0	7,5	001234567890	0123456789
19	12118079	Vô Hồng Quốc	DH12CK			0,5	1,0	0,5	2,0	001234567890	0123456789
20	12118022	Đinh Công Sơn	DH12CK			0,5	1,0	4,5	6,0	001234567890	0123456789
21	12118082	Lê Văn Sơn	DH12CK			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789
22	12118115	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CK			0,5	1,0	2,0	3,5	001234567890	0123456789
23	12344191	Hà Tấn Tài	CD12CI			0,5	1,0	3,5	5,0	001234567890	0123456789
24	12118119	Nguyễn Trung Tấn	DH12CK			0,5	1,0	6,0	7,5	001234567890	0123456789
25	13334182	Phan Văn Thạch	CD13CI			0,5	1,0	7,5	9,0	001234567890	0123456789
26	13334181	Trần Văn Thành	CD13CI			0,5	1,0	0,5	2,0	001234567890	0123456789
27	12344128	Vô Minh Thuận	CD12CI			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789
28	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			0,5	1,0	4,0	5,5	001234567890	0123456789
29	12118097	Long Quốc Tiến	DH12CK			0,5	1,0	7,0	8,5	001234567890	0123456789
30	12118095	Dương Công Trạch	DH12CK			0,5	1,0	3,0	4,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04090



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Sử dụng máy(207310) - DH12CK_01 - 001_DH12CK_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 29/01/2016

Phòng Thi PV333

Lớp DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12118006	Nguyễn Văn Trọng	DH12CK			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789
32	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK			0,5	1,0	5,5	7,0	001234567890	0123456789
33	12344052	Phạm Chí Tuấn	CD12CI			0,5	1,0	1,5	3,0	001234567890	0123456789
34	12118108	Lê Quang Tường	DH12CK			0,5	1,0	5,0	6,5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 24 Tháng 2 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB coi thi I

CB coi thi II

Lê Văn Đức

Lê Khắc Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 01

CBGD: Võ Văn Thừa (317)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK			8,5	8,5		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	13334016	Trần Thanh Bình	CD13CI			7,5	7,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	13334018	Nguyễn Văn Cảnh	CD13CI			8,0	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13334048	Ngô Huỳnh Đăng	CD13CI			7,5	7,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	13334050	Nguyễn Tấn Đức	CD13CI			7,0	7,0		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13334061	Nguyễn Thế Hiền	CD13CI			7,5	8,5		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13334074	Lương Văn Hoàng	CD13CI			6,5	8,5		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	13334077	Đường Khoa Học	CD13CI			8,0	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13334092	Nguyễn Văn Hữu	CD13CI			8,5	7,5		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13334124	Đặng Thanh Nam	CD13CI			8,0	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI			6,5	7,5		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13334161	Đặng Chiêu Sinh	CD13CI			7,0	9,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13334170	Tổng Minh Tài	CD13CI			7,0	7,0		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13334181	Trần Văn Thành	CD13CI			4,5	5,5		5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13334182	Phan Văn Thạch	CD13CI			7,0	9,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			6,0	8,0		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13334205	Vô Thái Thuận	CD13CI			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật I (207312) - 01

CBGD: Võ Văn Thưa (317)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13334222	Từ Hữu Trí	CD13CI			7,0	6,0		6,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13334252	Nguyễn Tấn Như ý	CD13CI			7,5	7,5		7,5	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

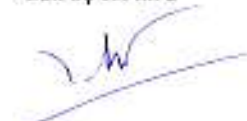
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

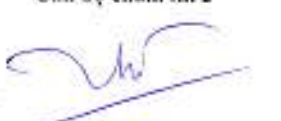
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phan Duy Lam


Phan Duy Lam


ThS. Võ Văn Thưa


Phan Duy Lam

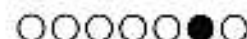
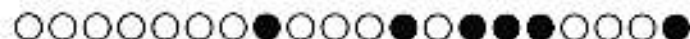
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12344127	Võ Tá Mạnh	CD12CI			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118176	Lê Đình Khá	DH13CK			8,5	8,5		8,5	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	13118189	Nguyễn Hữu Kiệt	DH13CK			8,0	8,0		8,0	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK			0,0	7,0		3,5	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	13118276	Đàm Minh Thái	DH13CK			6,0	8,0		7,0	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13334001	Võ Ngọc An	CD13CI			0,0	6,0		3,0	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13334042	Nguyễn Triệu Dương	CD13CI			8,5	7,5		8,0	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13334047	Trần Quốc Đạt	CD13CI			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13334075	Nguyễn Huy Hoàng	CD13CI			8,0	9,0		8,5	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	13334102	Phạm Trung Kiên	CD13CI			✓	✓		✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13334133	Lê Hữu Nhân	CD13CI			7,0	8,0		7,5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	13334135	Nguyễn Minh Nhật	CD13CI			8,0	8,0		8,0	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13334171	Trần Tấn Tài	CD13CI			6,5	6,5		6,5	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
15	13334172	Nguyễn Minh Tâm	CD13CI			7,0	6,0		6,5	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	13334175	Đoàn Thiện Thanh	CD13CI			8,0	6,0		7,0	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13334215	Phạm Minh Toàn	CD13CI			8,0	8,0		8,0	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13334216	Phạm Văn Toàn	CD13CI			7,5	7,5		7,5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13C1			6,5	6,5		6,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13334244	Lê Quang Vinh	CD13C1			6,0	6,0		6,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Triều

Phạm Duy Lam

ThS. Võ Văn Thừa

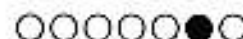
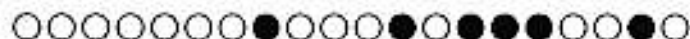
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật I (207312) - 04

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118079	Võ Hồng Quốc	DH12CK			6,0	5,5		6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12118092	Nguyễn Chí Thanh	DH12CK			6,5	6,0		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12344078	Trần Đức Long	CD12CI			✓	✓		✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK			7,5	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118219	Trịnh Đình Vũ	DH13CK			✓	✓		✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13334005	Lê Thanh Tú	CD13CI			0	6,0		3,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI			6,0	6,0		6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13334025	Vì Văn Chương	CD13CI			8,0	8,0		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13334037	Trần Thanh Duy	CD13CI			6,0	7,0		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13334079	Đinh Lâm Huy	CD13CI			6,5	6,0		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI			8,0	7,0		7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13334113	Mai Vĩnh Lợi	CD13CI			7,0	6,0		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI			0,0	6,0		3,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI			6,0	6,0		6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13334179	Phan Văn Thái	CD13CI			6,0	7,0		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13334212	Lâm Quốc Tiến	CD13CI			7,0	7,0		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13334214	Trần Quốc Tin	CD13CI			6,5	7,5		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			6,5	6,5		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 04

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13334236	Phạm Minh Tú	CD13C1			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334253	Trần Tiến Đạt	CD13C1			✓	✓		✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

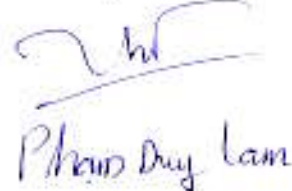
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đã kiểm tra


Phạm Duy Lam


ThS. Võ Văn Thừa

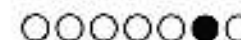
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thí	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118006	Nguyễn Văn Trọng	DH12CK			10	9	8	8,5	○○○1234567●89○	○1234●6789
2	12118009	Trần Tuấn An	DH12CK			10	9	9	9,1	○○○12345678●9○	○●123456789
3	12118019	Hồ Tấn Duy	DH12CK			9	7	5	6	○○○12345●789○	●123456789
4	12118022	Đinh Công Sơn	DH12CK			10	8	8	8,2	○○○1234567●89○	○1●3456789
5	12118036	Trần Văn Hiệp	DH12CK			10	8	4,5	7,9	○○○123456●89○	○12345678●
6	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK			9	8	7	7,5	○○○123456●89○	○1234●6789
7	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK			10	7	6	6,7	○○○12345●789○	○123456●89
8	12118082	Lê Văn Sơn	DH12CK			9	9	9	9	○○○12345678●9○	●123456789
9	12118095	Dương Công Trạch	DH12CK			9	6	5,5	6	○○○12345●789○	●123456789
10	12118097	Long Quốc Tiến	DH12CK			9	9	7	7,8	○○○123456●89○	○1234567●9
11	12118100	Phan Thanh Lễ	DH12CK			10	9	7	7,9	○○○123456●89○	○12345678●
12	12118104	Trần Đức Giáp	DH12CK			10	9	8,5	8,8	○○○1234567●89○	○1234567●9
13	12118108	Lê Quang Tường	DH12CK			9	7	8	7,8	○○○123456●89○	○1234567●9
14	12118113	Phan Thái Học	DH12CK			10	8	9	8,8	○○○1234567●89○	○1234567●9
15	12118115	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CK			9	6	5,5	6	○○○12345●789○	●123456789
16	12118119	Nguyễn Trung Tấn	DH12CK			9	9	6,5	7,5	○○○123456●89○	○1234●6789
17	12344127	Võ Tá Mạnh	CD12CI			5	0	0	0,5	○●123456789○	○1234●6789
18	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK			9	8	7	7,5	○○○123456●89○	○1234●6789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK			9	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
20	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
21	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI			9	9	9	9	0012345678910	0123456789
22	13334182	Phan Văn Thạch	CD13CI			9	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
23	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			9	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lam

Phạm Duy Lam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12344049	Nguyễn Phúc Hậu	CD12CI			2	2	6	10	○●○123456789●	●123456789
2	12344102	Dương Quốc Pháp	CD12CI			2	2	5	9	○●○12345678●○	●123456789
3	12344148	Trần Minh Tú	CD12CI			2	2	6	10	○●○123456789●	●123456789
4	13118189	Nguyễn Hữu Kiệt	DH13CK			2	2	5	9	○●○12345678●○	●123456789
5	13334016	Trần Thanh Bình	CD13CI			2	2	4	7	○●○123456●89○	●123456789
6	13334047	Trần Quốc Đạt	CD13CI			2	2	6	10	○●○123456789●	●123456789
7	13334048	Ngô Huỳnh Đăng	CD13CI			2	2	6	10	○●○123456789●	●123456789
8	13334061	Nguyễn Thế Hiền	CD13CI			2	2	6	10	○●○123456789●	●123456789
9	13334075	Nguyễn Huy Hoàng	CD13CI			2	2	4	8	○●○1234567●9○	●123456789
10	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI			2	2	5	9	○●○12345678●○	●123456789
11	13334102	Phạm Trung Kiên	CD13CI			2	2	2	6	○●○12345●789○	●123456789
12	13334113	Mai Vĩnh Lợi	CD13CI			2	2	6	10	○●○123456789●	●123456789
13	13334124	Dặng Thanh Nam	CD13CI			2	2	4	8	○●○123456●●9○	●123456789
14	13334175	Đoàn Thiện Thanh	CD13CI			2	2	3	7	○●○123456●89○	●123456789
15	13334212	Lâm Quốc Tiến	CD13CI			2	2	6	10	○●○123456789●	●123456789
16	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI			2	2	2	6	○●○12345●789○	●123456789
17	13334222	Từ Hữu Tri	CD13CI			2	2	6	10	○●○12345●789●	●123456789
18	13334236	Phạm Minh Tú	CD13CI			2	2	2	6	○●○12345●789○	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334252	Nguyễn Tấn Như ý	CD13CI			2	2	6	10	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13334253	Trần Tiến Đạt	CD13CI							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Kieu Van Duc
Kiều Văn Đức

Kieu Van Duc
Kiều Văn Đức

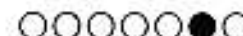
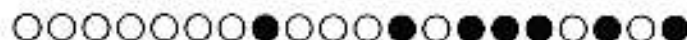
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 04

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334018	Nguyễn Văn Cánh	CD13CI			2	2	6	10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13334037	Trần Thanh Duy	CD13CI			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13334050	Nguyễn Tấn Đức	CD13CI			2	2	2	6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13334077	Đường Khon Học	CD13CI			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13334092	Nguyễn Văn Hữu	CD13CI			2	2	6	10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI			2	2	6	10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13334133	Lê Hữu Nhân	CD13CI			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13334135	Nguyễn Minh Nhật	CD13CI			2	2	6	10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI			2	2	6	10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13334161	Đặng Chiêu Sinh	CD13CI			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13334170	Tổng Minh Tài	CD13CI			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13334179	Phan Văn Thành	CD13CI			2	2	2	6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13334181	Trần Văn Thành	CD13CI			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13334215	Phạm Minh Toán	CD13CI			2	2	6	10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13334216	Phạm Văn Toán	CD13CI			2	2	6	10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13334226	Đặng Trung	CD13CI			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 04

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			2	2	4	8	00123456789	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

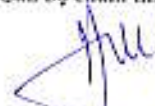
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Kiều Văn Đức


Kiều Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

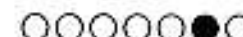
Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 08

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118060	Phạm Quang Trung	DH13CK			2	2	2	6	○○○12345●789○	●123456789
2	13118104	Nguyễn Đông Dương	DH13CK			2	2	3	7	○○○123456●89○	●123456789
3	13118108	Lâm Hữu Nguyễn Đan	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
4	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			2	2	4	8	○○○1234567●9○	●123456789
5	13118176	Lê Đình Khá	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
6	13118197	Nguyễn Chí Linh	DH13CK			2	2	4	8	○○○1234567●9○	●123456789
7	13118205	Nguyễn Bá May	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
8	13118208	Bùi Lương Bảo Minh	DH13CK			2	2	2	6	○○○12345●789○	●123456789
9	13118219	Trịnh Đình Vũ	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
10	13118232	Bùi Tấn Phong	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
11	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
12	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
13	13118310	Bùi Thanh Triển	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
14	13118317	Lê Quốc Trung	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
15	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
16	13118343	Phạm Thanh Tùng	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
17	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
18	13334025	Vũ Văn Chương	CD13CI			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789



Mã nhận dạng 04470



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 08

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334074	Lương Văn Hoàng	CD13CI			2	2	6	10	001234567890	0123456789
20	13334117	Nguyễn Công Lực	CD13CI			2	2	6	10	001234567890	0123456789

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Jul
Nguyễn Văn Dũng

Am
Nguyễn Văn Dũng

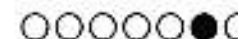
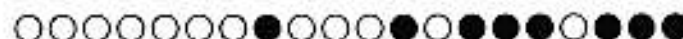
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 09

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118017	Trần Văn Hiếu	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
2	13118054	Đoàn Văn Thuại	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
3	13118147	Nguyễn Thái Hòa	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
4	13118153	Cao Thanh Huy	DH13CK							●○○123456789●	○123456789
5	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
6	13118199	Đào Huy Long	DH13CK			2	2	4	7	○○○123456●89●	●123456789
7	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
8	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
9	13118242	Nguyễn Ngọc Thiên Quang	DH13CK			2	2	3	7	○○○123456●89●	●123456789
10	13118249	Tạ Văn Quynh	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
11	13118259	Huỳnh Trọng Tài	DH13CK			2	2	3	7	○○○123456●89●	●123456789
12	13118269	Võ Minh Tây	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
13	13118275	Đặng Anh Thảo	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
14	13118279	Trương Quang Thanh	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
15	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK			2	2	5	9	○○○12345678●9	●123456789
16	13118307	Nguyễn Triệu Toán	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
17	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK			2	2	3	7	○○○123456●89●	●123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 09

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
18	13334079	Đinh Lâm Huy	CD13C1			2	2	6	10	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2





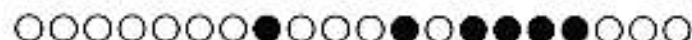
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

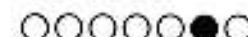
Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 10

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118011	Trần Đình Đức	DH13CK			2	2	3	7	○○○123456●890	●123456789
2	13118020	Nhữ Sỹ Hùng	DH13CK			2	2	3	7	○○○123456●890	●123456789
3	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
4	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK			2	2	4	8	○○○1234567●90	●123456789
5	13118049	Lương Ngọc Tấn	DH13CK			2	2	3	7	○○○123456●890	●123456789
6	13118058	Lê Quang Trọng	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
7	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK			2	2	2	6	○○○12345●7890	●123456789
8	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
9	13118137	Nguyễn Trọng Hiếu	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
10	13118156	Đỗ Minh Huy	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
11	13118159	Lưu Quốc Huy	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
12	13118174	Trương Chi Khang	DH13CK			2	2	4	8	○○○1234567●90	●123456789
13	13118181	Nguyễn Văn Khánh	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
14	13118191	Nguyễn Tùng Lâm	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
15	13118218	Lê Vũ Trường Ngọc	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789
16	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK			2	2	2	6	○○○12345●7890	●123456789
17	13118286	Phan Minh Thông	DH13CK			2	2	4	8	○○○1234567●90	●123456789
18	13118291	Phạm Hữu Thương	DH13CK			2	2	6	10	○○○123456789●	●123456789



Mã nhận dạng 04472



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 10

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118312	Bach Huy Trí	DH13CK			2	2	6	10	00123456789	0123456789
20	13118367	Huỳnh Đăng Khoa	DH13CK			2	2	5	9	00123456789	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Hoàng
Đặng Văn Dũng

Trần Văn Hoàng
Trần Văn Dũng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nông nghiệp(207319) - CD13CI_01 - 001_CD13CI_01

Số Tín Ch 4

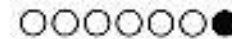
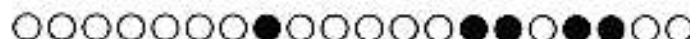
Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi HD201

Lớp CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D3 6%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12344002	Hồ Việt An	CD12CI			0,7	1,9	2,6	5,2	○○○1234567890	0123456789
2	13334025	Vì Văn Chương	CD13CI			0,7	1,9	3,3	5,9	○○○1234567890	0123456789
3	13334048	Ngô Huỳnh Đăng	CD13CI			0,7	1,9	3	5,6	○○○1234567890	0123456789
4	13334253	Trần Tiến Đạt	CD13CI						CT	○○○1234567890	0123456789
5	12344079	Huỳnh Văn Điệp	CD12CI			0,7	1,9	1,5	4,1	○○○1234567890	0123456789
6	13334050	Nguyễn Tấn Đức	CD13CI			0,7	1,7	2,1	4,5	○○○1234567890	0123456789
7	12344140	Lương Văn Duy	CD12CI			0,8	2	2,7	5,5	○○○1234567890	0123456789
8	13334075	Nguyễn Huy Hoàng	CD13CI			0,9	2,2	3	6,1	○○○1234567890	0123456789
9	13334077	Đường Khoa Học	CD13CI			0,8	2,1	3,9	6,8	○○○1234567890	0123456789
10	13334092	Nguyễn Văn Hữu	CD13CI			0,7	1,9	3	5,6	○○○1234567890	0123456789
11	12344067	Trịnh Cao Kỳ	CD12CI			0,7	2,2	3,6	6,5	○○○1234567890	0123456789
12	13334124	Đặng Thanh Nam	CD13CI			0,7	2	2,1	4,8	○○○1234567890	0123456789
13	13334135	Nguyễn Minh Nhật	CD13CI			0,6	2	4,2	6,8	○○○1234567890	0123456789
14	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI			0,7	1,9	3,3	5,9	○○○1234567890	0123456789
15	12344101	Lê Hồng Phong	CD12CI			0,7	2	2,7	5,4	○○○1234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nông nghiệp(207319) - CD13CI_01 - 001_CD13CI_01

Số Tín Ch 4

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi HD201

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lư
1	13334016	Trần Thanh Bình	CD13CI	<i>Be</i>		0,7	1,4	2,8	4,9	0012345678910	0123456789
2	13334079	Đình Lâm Huy	CD13CI	<i>lung</i>		0,7	1,9	1	3,6	0012345678910	0123456789
3	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI			0,6	1,7	—	2,3	0012345678910	0123456789
4	12344080	Nguyễn Thành Lợi	CD12CI	<i>Toslo</i>		0,7	1,9	2,7	5,3	0012345678910	0123456789
5	13334113	Mai Vĩnh Lợi	CD13CI			0,6	1,4	—	2	0012345678910	0123456789
6	12344185	Nguyễn Thanh Phong	CD12CI	<i>Pho</i>		0,7	2	3,2	5,9	0012345678910	0123456789
7	13334182	Phan Văn Thạch	CD13CI	<i>Phan</i>		0,9	2,3	4,8	8	0012345678910	0123456789
8	13334175	Đoàn Thiện Thanh	CD13CI	<i>Thanh</i>		0,9	2	3	5,9	0012345678910	0123456789
9	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI	<i>T.Nhieu</i>		0,7	1,7	1,6	4	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Pho
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

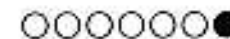
Cán Bộ Chấm Thi 1

Pho
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1
Pho
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

CBCT 2
Pho
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nông nghiệp(207319) - CD13CI_01 - 001_CD13CI_01

Số Tin Ch 4

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi HD201

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 1,5%	D2 2,0%	D Số 6,0	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334001	Võ Ngọc An	CD13CI	<i>An</i>		0,5	0,7	2,1	3,3	001234567890	0123456789
2	12344198	Cai Trung Kiệt	CD12CI	<i>Kiệt</i>		0,5	1,9	2,7	5,1	001234567890	0123456789
3	12344199	Cai Trung Kiệt	CD12CI	<i>Kiệt</i>		0,7	1,7	2,7	5,1	001234567890	0123456789
4	12344200	Cai Trung Kiệt	CD12CI	<i>Kiệt</i>		0,5	1,6	1,2	3,3	001234567890	0123456789

Ngày thi: 23/01/2016

SL 04/4

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Xác nhận của Bộ Môn

Bích
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Kiệt
Nguyễn Tuấn Dũng

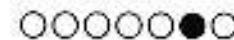
Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1
Kiệt
Nguyễn Tuấn Dũng

CBCT 2
Gi
Lê Khắc An



Mã nhận dạng 04282



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Máy nung nghiệp(207319) - CD13CI_01 - 001_CD13CI_01

Số Tin Ch 4

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi HD201

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13334161	Đặng Chiếu Sinh	CD13CI	<i>ĐS</i>		0,7	2,1	5,1	7,9	0012345678910	0123456789
17	13334215	Phạm Minh Toàn	CD13CI	<i>MT</i>		0,9	2	3	5,8	0012345678910	0123456789
18	13334216	Phạm Văn Toàn	CD13CI	<i>TV</i>		0,8	1,8	2,7	5,3	0012345678910	0123456789
19	13334222	Từ Hữu Trí	CD13CI	<i>TH</i>		0,7	1,4	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
20	13334226	Đặng Trung	CD13CI	<i>DT</i>		0,6	1,4	2	4	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1
HL
Nguyễn Khắc DũngCBCT 2
GT
Lê Khắc Dũng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Máy nông nghiệp(207319) - CD13CI_02 - 001_CD13CI_02

Số Tín Ch: 4

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi RD303

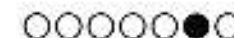
Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ3 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13334005	Lê Thanh Tú	Anh	<i>[Signature]</i>		0,7	1,9	1,8	4,4	001234567890	0123456789
2	13334023	Lê Tuấn	Chiến	<i>[Signature]</i>		0,8	2,1	0,9	2,8	001234567890	0123456789
3	12344036	Nguyễn Thành	Đạt	<i>[Signature]</i>		0,6	1,2	1,2	3	001234567890	0123456789
4	13334037	Trần Thanh	Duy	<i>[Signature]</i>		0,9	1,6	2,4	4,9	001234567890	0123456789
5	12344049	Nguyễn Phúc	Hậu	<i>[Signature]</i>		0,8	0,6	2,6	4	001234567890	0123456789
6	13334061	Nguyễn Thế	Hiên	<i>[Signature]</i>		0,9	1,4	2,7	5	001234567890	0123456789
7	13334074	Lương Văn	Hoàng	<i>[Signature]</i>		0,8	2,1	2,2	5,1	001234567890	0123456789
8	12344187	Hồ Trần	Huy	<i>[Signature]</i>		0,6	1,4	0,6	2,6	001234567890	0123456789
9	12344078	Trần Đức	Long	<i>[Signature]</i>		0,4	1	—	1,4	001234567890	0123456789
10	12344084	Nguyễn Như	Luân	<i>[Signature]</i>		0,8	1,8	2,7	5,3	001234567890	0123456789
11	12344118	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	<i>[Signature]</i>		0,7	1,6	1,8	4,1	001234567890	0123456789
12	13334133	Lê Hữu	Nhân	<i>[Signature]</i>		0,8	1,9	2,7	5,4	001234567890	0123456789
13	13334155	Nguyễn Tấn	Quốc	<i>[Signature]</i>		0,6	1,5	2,4	4,5	001234567890	0123456789
14	12344197	Nguyễn Thành	Tâm	<i>[Signature]</i>		0,6	1,4	1,5	3,5	001234567890	0123456789
15	13334179	Phan Văn	Thành	<i>[Signature]</i>		0,4	1,1	0,9	2,4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04283



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nông nghiệp(207319) - CD13CI_02 - 001_CD13CI_02

Số Tin Ch 4

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12344192	Nguyễn Văn Thôi	CD12CI	<i>[Signature]</i>		0,6	1,5	1,3	3,4	001234567890	0123456789
17	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0,5	1,7	2,5	4,7	001234567890	0123456789
18	13334212	Lâm Quốc Tiến	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0,7	1,7	3	5,4	001234567890	0123456789
19	13334214	Trần Quốc Tín	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0,8	1,7	0,6	3,1	001234567890	0023456789
20	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI	<i>[Signature]</i>	2	0,7	1,9	2,1	4,7	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 120

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

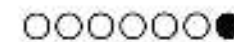
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB coi thi I

CB coi thi II

[Signature]
Nguyễn Văn Bích*[Signature]*
Nguyễn Thanh Dũng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nông nghiệp(207319) - CD13CI_02 - 001_CD13CI_02

Số Tín Ch 4

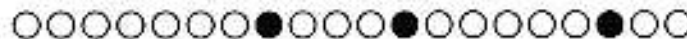
Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi RD303

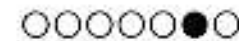
Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D Số G0	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13334042	Nguyễn Triệu Dương	CD13CI			0,7	1,5	3	5,2	0012345678910	0123456789
2	12344143	Hồ Văn Hạ	CD12CI			0,5	1,3	3,3	5,1	0012345678910	0123456789
3	13334102	Phạm Trung Kiên	CD13CI			0,5	0,7	-	1,2	0012345678910	0123456789
4	12344172	Trịnh Hữu Nghĩa	CD12CI						CT	0012345678910	0123456789
5	12344186	Huỳnh Duy Phát	CD12CI			0,7	1,9	2,4	5	0012345678910	0123456789
6	12344105	Bùi Văn Phú	CD12CI			0,7	1,3	0,7	2,7	0012345678910	0123456789
7	12344191	Hà Tấn Tài	CD12CI			0,7	1,6	1,9	4,2	0012345678910	0123456789
8	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI			0,5	1,6	0	2,1	0012345678910	0123456789
9	13334170	Tổng Minh Tài	CD13CI			0,7	1,3	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
10	13334171	Trần Tấn Tài	CD13CI			0,7	1,3	0,6	2,6	0012345678910	0123456789
11	13334172	Nguyễn Minh Tâm	CD13CI			0,7	1,3	1	3	0012345678910	0123456789
12	12344137	Lê Hiếu Trung	CD12CI			0,7	1,4	0,9	3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04356



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Máy nông nghiệp(207319) - CD13C1_02 - 001_CD13C1_02

Số Tin Ch 4

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp CD13C1 (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
13	13334252	Nguyễn Tấn Như ý	CD13C1			0,6	1,7	3,6	5,9	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 11 / 13

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

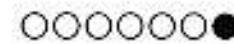
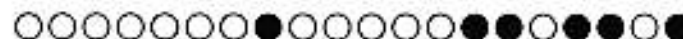
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

CB coi thi I

Viết v. Đuối

CBCTII:

Nguyễn Thanh Dũng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Máy nông nghiệp(207319) - CD13CI_02 - 001_CD13CI_02

Số Tín Ch 4

Ngày Thi 23/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13334010	Đoàn Trí Ân	CD13CI						CT	001234567890	0123456789
2	13334018	Nguyễn Văn Cảnh	CD13CI			0,8	2,3	4,2	7,3	001234567890	0123456789
3	13334209	Phạm Thành Tiến	CD13CI			0,7	1,7	1,6	4	001234567890	0123456789
4	13334236	Phạm Minh Tú	CD13CI			0,6	0,7	—	1,3	001234567890	0123456789
5	13334244	Lê Quang Vinh	CD13CI			0,7	1,5	1,2	3,4	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 03/05

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi I

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB coi thi I

CBCT II:

Nguyễn Thanh Dũng

Chốt v. Ban



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Bơm quạt máy nén(207401) - DH13NL_01 - 001_DH13NL_01** Số Tin Ch 3

Ngày Thi **11/01/2016** Phòng Thi **TV101**

Lớp **DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137015	Phạm Thái Minh	Bảo	DH13NL	<i>Lito</i>	1	5	8	5	5,9	001234567890
2	13137026	Nguyễn Minh	Châu	DH13NL	<i>Chau</i>	1	4	9,5	7	7,2	001234567890
3	13137041	Trần Ngọc	Dũng	DH13NL	<i>Tran</i>	1	4	7,5	6	6,1	001234567890
4	13137036	Trần Khánh	Duy	DH13NL	<i>Tran</i>	1	7	9	4	6,1	001234567890
5	13137001	Nguyễn Duy	Hậu	DH13NL	<i>Nguyen</i>	1	7	6	4	5,2	001234567890
6	13137002	Nguyễn Tấn	Hậu	DH13NL	<i>Nguyen</i>	1	5	8	5	5,9	001234567890
7	13137059	Nguyễn Ngọc	Hoan	DH13NL	<i>Nguyen</i>	1	4	9	8	7,5	001234567890
8	13137062	Hồ Thanh	Hoàng	DH13NL	<i>Hu</i>	1	5	8	7	6,9	001234567890
9	13137167	Nguyễn Thành	Hưng	DH13NL	<i>Nguyen</i>	1	9	8,5	6	7,4	001234567890
10	13137079	Phan Đăng Tuấn	Khôi	DH13NL	<i>Phan</i>	1	5	9	2	4,7	001234567890
11	13137083	Chu Bá Hoàng	Lâm	DH13NL	<i>Chu</i>	1	4	8	5	5,7	001234567890
12	13137085	Nguyễn Thanh	Long	DH13NL	<i>Nguyen</i>	1	5	9	7	7,2	001234567890
13	13137097	Động	Nguyễn	DH13NL	<i>Nguyen</i>	1	4	8	6	6,2	001234567890
14	13137104	Nguyễn Tấn	Phong	DH13NL	<i>Nguyen</i>	1	4	9,5	6	6,7	001234567890
15	13137112	Nguyễn Minh	Quan	DH13NL	<i>Nguyen</i>	2	7	9	3	5,6	001234567890



Mã nhận dạng 04284



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Bơm quạt máy nén(207401) - DH13NL_01 - 001_DH13NL_01** Số Tín Ch 3

Ngày Thi 11/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 đo %	D2 đo %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137121	Vũ Văn Tấn	DH13NL		1	4	8,5	6	6,4	0012345678910	0123456789
17	13137128	Phan Lê Ngọc Thảo	DH13NL		1	8	8,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
18	13137138	Phạm Ngọc Thiện	DH13NL		1	5	9	5	6,2	0012345678910	0123456789
19	13137141	Trần Thắng	DH13NL		1	9	9,5	6	7,7	0012345678910	0123456789
20	12137056	Nguyễn Tấn Toàn	DH13NL		1	10	10	10	10,0	0012345678910	0123456789
21	13137155	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13NL		1	4	8,5	5	5,9	0012345678910	0123456789
22	13137162	Nguyễn Thị Thu Vui	DH13NL		1	10	9,5	10	9,9	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

N.T. Hòa

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Bơm quạt máy nén(207401) - DH13NL_01 - 001_DH13NL_01**

Số Tin Ch 3

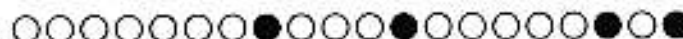
Ngày Thi **11/01/2016**

Phòng Thi **TV101**

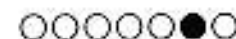
Lớp **DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lĩ
1	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL	<i>Tuấn Anh</i>	1	4	8	2	4,2	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13137013	Đặng Hoài Bảo	DH13NL	<i>Hoài Bảo</i>	1	8	8	2	5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL	<i>Đăng</i>	1	4	2,5	3	4,9	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	13137055	Nguyễn Thanh Hiền	DH13NL	<i>Thanh Hiền</i>	1	9	9	4	6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	13137058	Mai Hoàng Hiệp	DH13NL	<i>Hoàng Hiệp</i>	1	4	2,5	7	6,9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	13137056	Đỗ Văn Hiếu	DH13NL	<i>Đỗ Văn</i>	1	8	9	4	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13137065	Huỳnh Nguyễn Hòa	DH13NL	<i>Huỳnh Nguyễn</i>	1	7	9	7	7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	13137073	Nguyễn Hùng Khang	DH13NL	<i>Khang</i>	1	6	2,5	9	2,2	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13137074	Mai Quang Khánh	DH13NL	<i>Quang Khánh</i>	1	4	9	2	7,5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	13137090	Chau Văn Nêk	DH13NL	<i>Chau Văn</i>	1	8	9	3	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
11	13137096	Lưu Thuận Ngón	DH13NL	<i>Thuận Ngón</i>	1	6	8	4	5,6	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL	<i>Thanh Phong</i>	1	5	8	6	6,4	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
13	13137111	Nguyễn Quốc Phúc	DH13NL	<i>Quốc Phúc</i>	1	4	2,5	6	6,4	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
14	13137122	Đỗ Khánh Tâm	DH13NL	<i>Đỗ Khánh</i>	1	5	2,5	6	6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
15	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL	<i>Vũ Đức</i>	1	7	8	8	7,8	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 04357



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Bơm quạt máy nén(207401) - DH13NL_01 - 001_DH13NL_01** Số Tín Ch **3**Ngày Thi **11/01/2016** Phòng Thi **TV101**Lớp **DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 22%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL		1	9	9	5	7,0	001234567890	0123456789
17	13137133	Nguyễn Đại Thiên	DH13NL							001234567890	0123456789
18	13137003	Nguyễn Tuấn Tú	DH13NL		1	4	9	6	6,5	001234567890	0123456789
19	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL		1	4	8	4	5,2	001234567890	0123456789
20	13137157	Đoàn Nhật Tú	DH13NL		1	6	8,5	3	5,3	001234567890	0123456789
21	13137158	Nguyễn Minh Tú	DH13NL		1	4	8,5	3	4,9	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

N.T. Hào

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Bơm quạt máy nén(207401) - DH13NL_01 - 001_DH13NL_01 Số Tín Ch 3

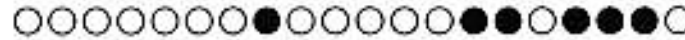
Ngày Thi 11/01/2016

Phòng Thi TV101

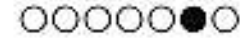
Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL		1	6	9	2	4,9	○○○1234●56789○	○12345678●9
2	13137029	Lê A	DH13NL		1	4	8,5	4	5,4	○○○12344●6789○	○123●56789
3	13137045	Lâm Quốc Đạt	DH13NL		1	4	9	4	5,5	○○○1234●6789○	○1234●6789
4	13137047	Nguyễn Thành Đạt	DH13NL		1	4	7,5	4	5,1	○○○1234●6789○	○●23456789
5	13137037	Trần Ngọc Duy	DH13NL		1	5	7,5	7	6,2	○○○12345●789○	○1234567●9
6	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL		1	4	8,5	6	6,4	○○○12345●789○	○123●56789
7	13137054	Ngô Hữu Hậu	DH13NL		1	5	8	6	6,4	○○○12345●789○	○123●56789
8	13137076	Đỗ Đăng Khoa	DH13NL		1	4	8	3	4,7	○○○123●56789○	○123456●89
9	13137100	Đinh Mai Nhật	DH13NL		1	5	7,5	4	5,3	○○○1234●6789○	○12●456789
10	13137102	Trần Minh Nhật	DH13NL		1	5	8	3	4,9	○○○123●56789○	○12345678●9
11	13137106	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL		1	8	9	5	6,8	○○○12345●789○	○1234567●9
12	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL		1	4	9	6	6,5	○○○12345●789○	○1234●56789
13	13137115	Phạm Mai Quỳnh	DH13NL		1	5	9,5	7	7,4	○○○123456●89○	○123●56789
14	13137116	Nguyễn Đức Reo	DH13NL		1	4	9	7	7,0	○○○123456●89○	●123456789
15	13137120	Trần Văn Sơn	DH13NL		1	2	0	3	1,9	○○●23456789○	○12345678●9



Mã nhận dạng 04206



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Bơm quạt máy nén(207401) - DH13NL_01 - 001_DH13NL_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 11/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 điểm %	Đ2 điểm %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13137135	Trần Hoàng Thiên	DH13NL		01	4	8	5	5,7	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137152	Trần Anh Trí	DH13NL		01	6	9	2	4,9	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL		01	4	9	3	5,0	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

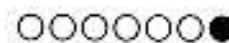
Ngày 12 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

N. G. Hào

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật lạnh(207402) - DH12NL_01 - 001_DH12NL_01**

Số Tín Ch 3

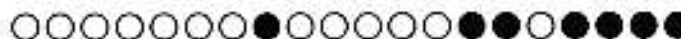
Ngày Thi **30/01/2016**

Phòng Thi **PV335**

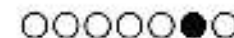
Lớp **DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137013	Đặng Hoài Bảo	DH13NL	<i>hoai</i>		5	9	5	6,2	001234567890	0123456789
2	13137014	Lê Công Bảo	DH13NL	<i>lcb</i>		10	10	4	7,0	001234567890	0123456789
3	12137002	Lê Hùng Cường	DH12NL	<i>hcx</i>		9,5	8,5	7	8,0	001234567890	0123456789
4	12137012	Nguyễn Văn Đua	DH12NL	<i>dua</i>		6	8	7	7,1	001234567890	0123456789
5	13137053	Cao Gia Hân	DH13NL	<i>gh</i>		5	8	8	7,4	001234567890	0123456789
6	13137056	Đỗ Văn Hiếu	DH13NL	<i>dv</i>		8,5	9	5	6,9	001234567890	0123456789
7	13137065	Huỳnh Nguyễn Hân	DH13NL	<i>hn</i>		10	9,5	7	8,4	001234567890	0123456789
8	13137059	Nguyễn Ngọc Hoan	DH13NL	<i>nn</i>		5	9	7	7,2	001234567890	0123456789
9	13137069	Nguyễn Mạnh Hùng	DH13NL	<i>nmh</i>		6	8	6	6,6	001234567890	0123456789
10	13137073	Nguyễn Hùng Khang	DH13NL	<i>nhk</i>		2	9	4	5,1	001234567890	0123456789
11	13137074	Mai Quang Khánh	DH13NL	<i>mqk</i>		5	10	5	6,5	001234567890	0123456789
12	13137090	Chau Vinh Nék	DH13NL	<i>cvn</i>		7	9	6	7,1	001234567890	0123456789
13	13137102	Trần Minh Nhật	DH13NL	<i>tmn</i>		2	9	6	6,1	001234567890	0123456789
14	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL	<i>ntp</i>		3	9	6	6,3	001234567890	0123456789
15	12137054	Bùi Văn Phúc	DH12NL	<i>bvp</i>		4	9	7	7,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04207



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật lạnh(207402) - DH12NL_01 - 001_DH12NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi PV335

Lớp DH12NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 đo %	D2 đo %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12137035	Tạ Nhật Quang	DH12NL			6	85	7	7,3	0012345678910	0123456789
17	12137041	Đoàn Nhật Thăng	DH12NL			7,5	95	8	8,4	0012345678910	0123456789
18	12137042	Nguyễn Văn Thăng	DH12NL			5	85	8	7,6	0012345678910	0123456789
19	12137056	Nguyễn Tấn Toàn	DH13NL			10	10	10	10	0012345678910	0123456789
20	12137058	Ngô Hữu Toàn	DH12NL			4	7,5	6	6,1	0012345678910	0123456789
21	13137003	Nguyễn Tuấn Tú	DH13NL			4	9	6	6,5	0012345678910	0123456789
22	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL			0	8	2	3,4	0012345678910	0123456789
23	12137051	Phạm Anh Tuấn	DH12NL			7	10	4	6,4	0012345678910	0123456789
24	13137155	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13NL			4	8,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
25	13137162	Nguyễn Thị Thu Vui	DH13NL			10	10	10	10	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 31 Tháng 1 Năm 2016

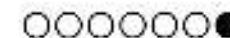
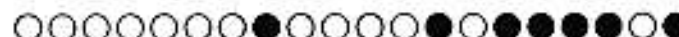
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

CBCT 2:



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật lạnh(207402) - DH12NL_01 - 001_DH12NL_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2016

Phòng Thi PV335

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13137026	Nguyễn Minh Châu	DH13NL			8	8,5	7	7,7	0012345678910	0123456789
2	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL			5	8,5	5	6,1	0012345678910	0123456789
3	10137053	Trần Thanh Huy	DH10NL			5	8,5	6	6,6	0012345678910	0123456789
4	13137079	Phan Đình Tuấn	DH13NL			3	9	4	5,3	0012345678910	0123456789
5	13137083	Chu Bá Hoàng	DH13NL			3	9	7	6,8	0012345678910	0123456789
6	12137019	Phan Văn Linh	DH12NL			7	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
7	13137096	Lưu Thiện Ngôn	DH13NL			8	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
8	13137112	Nguyễn Minh Quan	DH13NL			9	8,5	5	5,5	0012345678910	0123456789
9	13137146	Đinh Thanh Toàn	DH13NL			2	2	6	5,8	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 31 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thanh Hà

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBC1:

CBC2:

Nguyễn Thanh Dũng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403) - DH12NL 01 - 001_DH12

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phong Thi PV225

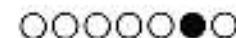
Lớp **DH12NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)**

Training 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12137001	Đỗ Hoàng Ái	DH12NL			9	7	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
2	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			8	6	3	4,6	00123●5678910	012345●789
3	13137026	Nguyễn Minh Châu	DH13NL			8	7	5	6,0	0012345●78910	●123456789
4	12137002	Lê Hùng Cường	DH12NL				8	8,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
5	12137012	Nguyễn Văn Đua	DH12NL			9	7	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
6	13137041	Trần Ngọc Dũng	DH13NL			6	5	3	4,0	00123●5678910	●123456789
7	12137015	Lê Văn Duy	DH12NL			8	6	5	5,8	001234●678910	01234567●9
8	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL			8	7	3	4,8	00123●5678910	01234567●9
9	13137056	Đỗ Văn Hiếu	DH13NL			7	5	3	4,2	00123●5678910	01●3456789
10	13137065	Huỳnh Nguyễn Hữu	DH13NL			8	7	3	4,8	00123●5678910	01234567●9
11	13137059	Nguyễn Ngọc Hoàn	DH13NL			7	6	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
12	12137023	Lưu Đình Hưng	DH12NL			8	7	4	5,4	001234●678910	0123●56789
13	12137021	Phạm Đức Huy	DH12NL			9	7	3,5	5,3	001234●678910	012●3456789
14	12137028	Nguyễn Văn Khon	DH12NL			8	7	6	6,6	0012345●78910	012345●789
15	12137032	Phạm Phú Lâm	DH12NL			9	6	6	6,6	0012345●78910	012345●789



Mã nhận dạng 04091



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm *Kỹ thuật lạnh thực phẩm*(207403) - DH12NL_01 - 001_DH12

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV225

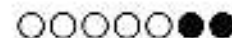
Lớp DH12NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12137007	Vũ Đình Lich	DH12NL	Lich		9	8	6.5	7.3	001234567890	0123456789
17	12137005	Ngô Văn Minh	DH12NL	Minh		9	6	5	6.0	001234567890	0123456789
18	12137034	Vô Thanh Nhanh	DH12NL	Nhanh		8	6	4	5.2	001234567890	0123456789
19	13137104	Nguyễn Tấn Phong	DH13NL	Phong		9	7	7	7.4	001234567890	0123456789
20	12137054	Bùi Văn Phúc	DH12NL	Phuc		7	6	2	3.8	001234567890	0123456789
21	12137036	Lê Hữu Phước	DH12NL	Phuoc		7	6	8	7.4	001234567890	0123456789
22	13137112	Nguyễn Minh Quan	DH13NL	Quan		7	8	3.5	5.1	001234567890	0123456789
23	12137035	Tạ Nhật Quang	DH12NL	Quang		9	7	7	7.4	001234567890	0123456789
24	13137122	Đỗ Khánh Tân	DH13NL	Tan		8	6	3	4.6	001234567890	0123456789
25	12137041	Đoàn Nhật Thắng	DH12NL	Thang		9	7	6	6.8	001234567890	0123456789
26	12137042	Nguyễn Văn Thắng	DH12NL	Thang		8	6	3.5	4.9	001234567890	0123456789
27	13137130	Lương Tấn Thạnh	DH13NL	Thanh		7	6	2	3.8	001234567890	0123456789
28	12137043	Bùi Văn Thế	DH12NL	The		7	7	3	4.6	001234567890	0123456789
29	13137133	Nguyễn Đại Thiên	DH13NL	Thien		7	4	2	2.0	001234567890	0123456789
30	13137138	Phạm Ngọc Thiện	DH13NL	Thien		7	6	3	4.4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04091



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403) - DH12NL_01 - 001_DH12** Số Tín Ch **2**Ngày Thi **14/01/2016**Phòng Thi **PV225**Lớp **DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13137141	Trần Thắng Thuận	DH13NL	<i>[Signature]</i>		8	7	6	6,6	0012345●7890	012345●789
32	12137046	Bùi Anh Thương	DH12NL	<i>[Signature]</i>		7	8	5	6,0	0012345●7890	●123456789
33	12137056	Nguyễn Tấn Toàn	DH13NL	<i>[Signature]</i>		8	8	9	8,6	001234567●90	012345●789
34	12137058	Ngô Hữu Toàn	DH12NL	<i>[Signature]</i>		8	7	5	6,0	0012345●7890	●123456789
35	13137146	Đinh Thanh Toàn	DH13NL	<i>[Signature]</i>		8	8	5	6,2	0012345●7890	01●3456789
36	13137152	Trần Anh Tri	DH13NL	<i>[Signature]</i>		8	6	2	4,0	00123●567890	●123456789
37	12137057	Nguyễn Đức Trọng	DH12NL	<i>[Signature]</i>		7	6	3	4,4	00123●567890	0123●56789
38	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL	<i>[Signature]</i>			6	3	3,0	0012●4567890	●123456789
39	12137051	Phạm Anh Tuấn	DH12NL	<i>[Signature]</i>		8	6	5	5,8	001234●67890	01234567●9
40	13137155	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13NL	<i>[Signature]</i>		8	6	2	4,0	00123●567890	●123456789
41	12137049	Nguyễn Quốc Vinh	DH12NL	<i>[Signature]</i>		7	5	6	6,0	0012345●7890	●123456789
42	13137162	Nguyễn Thị Thu Vui	DH13NL	<i>[Signature]</i>		9	9	9	9,0	0012345678●0	●123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SS: 42/42

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1
[Signature]
Phạm Minh HiềnCBCT 2
[Signature]
Nguyễn Thanh Dương